



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

HƯỚNG DẪN LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

CHO HỌC SINH TRUNG HỌC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm nội dung:

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

Biên soạn:

Đỗ Thị Tường Vi

Biên tập:

Nguyễn Thị Châu - VVOB Việt Nam

Nguyễn Thị Thuỷ - VVOB Việt Nam

HƯỚNG DẪN LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

LỜI NÓI ĐẦU

Chọn nghề là việc mỗi người sẽ chọn cho mình một tương lai. Đây là một quá trình bao gồm các hoạt động tìm hiểu bản thân, tìm hiểu thị trường lao động và tìm hiểu các tác động ảnh hưởng tới bản thân để xác định mục tiêu, ra quyết định nghề nghiệp và thực hiện.

Việc lựa chọn hướng học và chọn nghề theo sở thích và khả năng nghề nghiệp rất quan trọng để phát huy hết tiềm năng của mỗi người. Luật Bình đẳng giới đã khẳng định sự bình đẳng của nam và nữ trong việc chọn ngành, nghề học tập, đào tạo. Tuy nhiên, thực tế quá trình lựa chọn này còn có thể bị ảnh hưởng ít nhiều bởi định kiến giới từ môi trường giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội. Các nghiên cứu cho thấy các vai trò giới hiện nay vẫn được gán định theo giới tính và có ảnh hưởng tới sự phát triển nghề nghiệp của nam, nữ học sinh. Vì thế, đòi hỏi phải có những nỗ lực chung trong việc tạo điều kiện và cơ hội như nhau cho nam và nữ học sinh trong học tập, hoạt động tìm hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp v.v.

Để thực hiện được điều này, những người làm công tác hướng nghiệp cần thiết phải có những hiểu biết cơ bản về giới nhằm nhận diện và loại trừ những định kiến giới làm hạn chế những cơ hội lựa chọn và cản trở sự phát triển nghề nghiệp của nam và nữ học sinh. Lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp sẽ là phương pháp hữu hiệu giúp cho nam, nữ học sinh biết lựa chọn và phát triển nghề nghiệp dựa trên cơ sở khả năng, sở thích, cá tính và giá trị của mình chứ không phải dựa trên sự khác biệt về giới tính.

Với mục đích hỗ trợ việc thực hiện công tác hướng nghiệp có nhạy cảm giới, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tài liệu “Hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học”. Hi vọng rằng, cuốn tài liệu sẽ là công cụ hữu ích cho những người làm công tác hướng nghiệp trong việc hỗ trợ học sinh nâng cao năng lực hướng nghiệp.

Tài liệu này đã được Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thẩm định tháng 12 năm 2015 và đưa vào danh mục sách tham khảo quốc gia và được đăng tải trên website của tổ chức VVOB Việt Nam tại địa chỉ: www.vvob.be/vietnam.

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của tổ chức VVOB Việt Nam. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới ThS. Đỗ Thị Tường Vi, chuyên gia về giới, các lãnh đạo, cán bộ và giáo viên của các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Hội Liên hiệp phụ nữ hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An cùng các cán bộ VVOB Việt Nam đã rất nhiệt tình trong việc xây dựng tài liệu này.

CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ
QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC
PHÓ CỤC TRƯỞNG



NGUYỄN THÚY HỒNG

MỤC LỤC

	TRANG	
Lời nói đầu	5	
Mục lục	7	
PHẦN I	CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP	11
1. Giới và giới tính	13	
2. Định kiến giới và phân biệt đối xử về giới	18	
3. Vai trò giới	20	
4. Công bằng giới và bình đẳng giới	24	
5. Nhạy cảm giới, trách nhiệm giới và lồng ghép giới	26	
Phiếu học tập phần I	29	
PHẦN II	LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP	33
1. Sự cần thiết phải lồng ghép giới và nguyên tắc lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp	34	
2. Định hướng lồng ghép giới trong xây dựng năng lực hướng nghiệp cho học sinh	38	
3. Định hướng lồng ghép giới trong quản lý công tác hướng nghiệp	44	
Phiếu học tập phần II	48	

PHẦN III	PHỤ LỤC	51
	Phụ lục 1: Các khái niệm cơ bản về giới có liên quan	53
	Phụ lục 2: Các văn bản pháp quy về giới	57
	Phụ lục 3: Một số nội dung về hướng nghiệp	61
	Phụ lục 4: Các yếu tố giới ảnh hưởng đến công tác hướng nghiệp	67
	Phụ lục 5: Đáp án các phiếu bài tập	71
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

PHẦN I

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI VÀ SỰ VẬN DỤNG

TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

1. GIỚI VÀ GIỚI TÍNH



Khái niệm

Giới (Gender) là thuật ngữ dùng để “chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội”¹.

Giới chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ có được do quá trình học hỏi từ gia đình, nhà trường và giao tiếp xã hội chứ không phải sinh ra đã có².

Như vậy, có thể hiểu giới chỉ sự khác biệt về vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền lực, giá trị và hành vi ứng xử giữa nam và nữ. Điều này được hình thành qua giáo dục và học hỏi dựa trên quan niệm, niềm tin chủ quan của một nền văn hóa hay tập tục xã hội cụ thể.

Ví dụ: Nam giới phải có tính quyết đoán, nữ giới phải dịu dàng và biết hi sinh; con trai học giỏi Toán, con gái học giỏi Văn. Hầu hết giáo viên mầm non là nữ giới, trong khi hầu hết hiệu trưởng các trường trung học phổ thông là nam giới.



¹ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 1.

² Vũ Mạnh Lợi, 2007. Bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

Giới tính (*Sex*) là thuật ngữ dùng để “chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ”³.

Các đặc điểm sinh học của nam và nữ được thể hiện ở một số khía cạnh cụ thể như: cấu tạo cơ thể, đặc điểm sinh lí hay chức năng sinh sản⁴. Trong đó sự khác nhau rõ ràng nhất về **giới tính giữa nam và nữ là chức năng sinh sản**. Con người khi sinh ra đã có những đặc điểm về giới tính; những đặc điểm này hầu như không thay đổi trong suốt cuộc đời và cũng không thể hoán đổi giữa nam và nữ.

Ví dụ: Nữ giới có buồng trứng, tử cung. Nam giới có tinh trùng.



Giới tính chỉ là dấu hiệu đầu tiên và lâu dài giúp chúng ta phân biệt được nam và nữ, là thiên chức giúp mỗi giới thực hiện chức năng duy trì nòi giống, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Bản thân sự khác biệt về giới tính không trực tiếp tạo ra bất bình đẳng giới mà chính những mong đợi rập khuôn của chúng ta về nam tính và nữ tính; sự kì vọng khác nhau của chúng ta về vai trò, trách nhiệm, năng lực, địa vị xã hội, ... của nam giới và nữ giới mới chính là nguyên nhân dẫn tới sự bất bình đẳng giới.

³ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 2.

⁴ Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

Bảng 1. Phân biệt giới và giới tính

Giới	Giới tính
<i>Là đặc trưng xã hội, do học hỏi mà có</i> Ví dụ: Con trai thường được rèn tính tự tin, mạnh mẽ; được cho là phù hợp với ngành/nghề mang tính kỹ thuật. Con gái được rèn dạy tính cẩn thận, tỉ mỉ; được cho là phù hợp với ngành nghề mang tính xã hội và nhân văn.	<i>Là đặc trưng sinh học; bẩm sinh, sinh ra đã có</i> Ví dụ: Có tinh trùng là đặc điểm giới tính của nam giới. Mang thai, sinh đẻ là đặc điểm giới tính của nữ giới.
<i>Đa dạng, khác nhau ở các quốc gia, vùng, miền và giữa các nền văn hóa.</i> Ví dụ: Ở nhiều nơi, nam làm giáo viên mẫu giáo hay nhà thiết kế thời trang giới. Phụ nữ ở các nước đạo Hồi phải có mạng che mặt khi đi ra ngoài đường phố.	<i>Đồng nhất, giống nhau trong cùng một giới và phổ biến trên toàn thế giới.</i> Ví dụ: Ở mọi nơi, nữ giới đều có tử cung, buồng trứng và có thể mang thai. Nam giới đều có tinh hoàn và có thể sản xuất tinh trùng để duy trì nòi giống.
<i>Có thể thay đổi theo quá trình phát triển dưới tác động của các yếu tố văn hóa, xã hội</i> Ví dụ: Trước đây phụ nữ không hoặc ít được tham gia quản lý xã hội. Ngày nay, nhiều phụ nữ là tổng thống, thủ tướng giới.	<i>Không thay đổi theo không gian và thời gian</i> Ví dụ: Từ thế hệ này sang thế hệ khác nam giới không thể mang thai, phụ nữ không thể sản sinh ra tinh trùng.



Quá trình hình thành các đặc điểm giới



Hình 1. Mô hình xã hội hóa giới

Các đặc điểm giới của mỗi cá nhân mang đậm nét văn hóa, tập quán của từng gia đình và địa phương; đồng thời, nó cũng bị ảnh hưởng bởi những yếu tố xã hội như thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, môi trường, các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc biệt là giáo dục trong gia đình và nhà trường.

Theo mô hình này, ngay từ khi sinh ra và trong suốt quá trình lớn lên, mỗi con người luôn được xã hội hóa, trở thành những cậu bé/người đàn ông trong tiến trình *nam tính hóa*; trở thành những cô gái/người đàn bà trong tiến trình *nữ tính hóa*. Thông qua sự giáo dục và trải nghiệm xã hội, những cô bé và cậu bé thường phải nhập tâm những quan niệm này cũng như những mong đợi của xã hội về đặc điểm và vai trò của giới mình. Từ đó, tự điều chỉnh, uốn nắn và rèn luyện để trở thành mẫu hình những người đàn ông và người đàn bà mà xã hội hay cộng đồng đó mong đợi. Ví dụ, ở Việt Nam, trong phần lớn các gia đình, con trai thường phải rèn tính cách mạnh mẽ, quyết đoán, được hướng dẫn làm thợ mộc, thợ nề, bổ củi, gánh nước,... là người

ra quyết định. Còn con gái thường phải rèn tính cẩn thận, chịu khó; được hướng dẫn làm nội trợ, may vá, thêu thùa, ... là người thừa hành, nhẫn nại.

Quá trình xã hội hóa giới diễn ra liên tục, dần dần đã hình thành hai khuôn mẫu người nam và người nữ với những chuẩn mực về giá trị và vai trò khác nhau trong xã hội. Cách nghĩ rập khuôn về giới này có thể cản trở cá nhân phát huy năng lực và sở trường trong lĩnh vực nghề nghiệp mà mình yêu thích.



Vận dụng trong công tác hướng nghiệp

Hiểu đúng về giới và giới tính giúp chúng ta nhận diện được *những yếu tố sinh học và xã hội gây ảnh hưởng tới quá trình phát triển các đặc điểm tâm sinh lí cá nhân, năng lực cũng như lựa chọn nghề nghiệp của nam, nữ học sinh.*

Nhận thức về giới của mỗi người (nam hay nữ) sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận công bằng tới các cơ hội học tập, tham gia hoạt động hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp... của học sinh.

Điều này yêu cầu bản thân học sinh (nam, nữ) là chủ thể của quá trình hướng nghiệp và các nhà quản lí, giáo viên, cha mẹ ... - những người làm công tác hướng nghiệp cho học sinh cần phải có nhận thức và thực hành đúng đắn về giới.

Do vậy, khi tiến hành các hoạt động, người làm công tác hướng nghiệp cần chú ý tới đặc điểm giới của từng vùng, miền, từng cá nhân học sinh nam, nữ để tạo cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp cho các em trong việc khám phá bản thân, tìm hiểu thị trường lao động, đào tạo và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Mục đích cuối cùng là phát huy tối đa tiềm năng của học sinh mà không bị cản trở bởi định kiến giới và phân biệt đối xử về giới.

2. ĐỊNH KIẾN GIỚI VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỀ GIỚI



Khái niệm

Định kiến giới là những nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ⁵.

Ví dụ: Nam giới mạnh mẽ, quyết đoán hơn phụ nữ; phụ nữ dịu dàng, cẩn thận hơn nam giới....

Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình⁶.

Ví dụ: Học sinh nữ thích chơi bóng đá nhưng có thể không được cha mẹ hoặc thầy cô khuyến khích. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cao chỉ tuyển nam mà ít hoặc không tuyển nữ; ngược lại, nam có thể không được ưu tiên bằng nữ khi tuyển dụng vào những vị trí như thư ký, giáo viên mầm non,... mặc dù họ có thể làm rất tốt các công việc này.

Từ những khái niệm trên cho thấy, định kiến giới là hệ thống tư tưởng (tư duy, cách nghĩ) của con người, được hình thành theo quan niệm văn hóa truyền thống thấm sâu trong nhận thức của mỗi người và thường phản ánh không khách quan, không công bằng, hoặc không đúng về đặc điểm và năng lực thực tế của mỗi người. Định kiến giới sẽ dẫn đến phân biệt đối xử về giới, trong đó sự phân biệt rõ nhất và phổ biến ở mọi nền văn hóa là nữ thường bị đánh giá thấp hơn nam về vị thế, vai trò, giá trị và năng lực nghề nghiệp. Hằng ngày, trong các mối quan hệ giới chúng ta thường rất dễ có định kiến giới đối với nam hoặc nữ, nhưng có thể chúng ta không nhận ra hoặc không cho đó là vấn đề giới gây bất lợi cho sự phát triển của nam hoặc nữ.

Định kiến giới và phân biệt đối xử về giới là nguyên nhân sâu xa của tình trạng bất bình đẳng giới. Nó cản trở nữ giới hoặc nam giới tham gia vào quá trình ra quyết định, tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực trong gia đình và ngoài xã hội. Đồng thời, định kiến giới “đóng khung” người phụ nữ và nam giới theo những chuẩn mực mà

⁵ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 4.

⁶ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 5.

cộng đồng mong muốn, khiến cho phụ nữ và nam giới không có sự chia sẻ với nhau hoặc không phát huy hết khả năng thực chất của họ⁷.



Vận dụng trong công tác hướng nghiệp

Các định kiến giới thường gây ra tác động tiêu cực cho cả nam và nữ. Định kiến giới có thể làm cho học sinh nam và học sinh nữ phải luôn luôn nỗ lực để đạt được những mong đợi của gia đình và xã hội về vai trò của mỗi giới. Mặt khác, có thể do các định kiến giới mà một số học sinh nam hoặc học sinh nữ đã không dám bộc lộ khả năng thiên bẩm của mình nếu nó trái với quan niệm, cách nghĩ chung về giới nào đó trong cộng đồng mà học sinh nam hoặc học sinh nữ đó sinh sống. Điều này, có thể làm cho một số học sinh nam và học sinh nữ - những học sinh có khả năng và sở thích khác với mong đợi của gia đình và xã hội sẽ rất bối rối hoặc rất khó khăn trong việc nhận thức bản thân, sẽ bị hạn chế phạm vi tìm hiểu nghề nghiệp và hệ thống đào tạo để có quyết định về hướng học và chọn nghề thích hợp.

Kết quả là sự lựa chọn và phát triển nghề nghiệp không theo “rẽ” cây nghề nghiệp⁸ (cá tính, sở thích, năng lực hay giá trị nghề nghiệp).

Ví dụ: Hoàng là một học sinh nam, có khả năng viết lách, sáng tạo và rất mê văn học. Em thích theo ngành sư phạm môn văn, nhưng do tác động của gia đình và định kiến giới cho rằng giáo viên văn phù hợp với nữ giới hơn nên em đã theo học ngành tài chính ngân hàng. Hoàng thấy thiếu động lực để học tốt, em chỉ cố gắng để học xong trung cấp tài chính. Kết quả là sau khi ra trường, Hoàng rất khó khăn để tìm việc làm đúng với ngành tài chính đã học.

7 & ^{11,12} Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

8 Xem thêm phụ lục 3 về Lý thuyết Cây nghề nghiệp.

3. VAI TRÒ GIỚI



Khái niệm

Vai trò giới là những công việc, nhiệm vụ, vị trí mà nam và nữ thực hiện hay đảm nhiệm hàng ngày⁹.

Hình ảnh một số nghề nghiệp nam giới và nữ giới đang đảm nhiệm¹⁰



1. Nữ nhà báo tác nghiệp



3. Nam, nữ nghiên cứu khoa học



2. Nam, nữ ngành điện



4. Nữ cơ phó Nguyễn Kim Châu cùng đồng nghiệp

9 Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

10 Ảnh 1. Nguồn: <http://news.zing.vn/Nghe-bao-Nghich-ly-ve-binh-dang-gioi-linh-vuc-truyen-thong-post371168.html>

Ảnh 2. Nguồn: <http://www.evn.com.vn/News/Tin-tuc-Hoat-dong/Thong-tin-Su-kien/Cac-hoat-dong-ky-niem-60-nam-truyen-thong-nganh-Dien-Gan-voi-truyen-thong-niem-tin-va-tu-hao-cach-mang.aspx>

Ảnh 3. Nguồn: <http://hvpnv.edu.vn/Tintuc.aspx?tid=1109>

Ảnh 4. Nguồn: <http://news.zing.vn/Nu-phi-cong-xinh-dep-don-giao-thua-tren-chin-tang-may-post302271.html>

Người ta thường nhóm các công việc, nhiệm vụ cụ thể thành 3 loại vai trò giới sau:

Vai trò sản xuất: Bao gồm các công việc, hoạt động nhằm tạo thu nhập, giúp cho sự phát triển thịnh vượng về kinh tế, văn hóa của gia đình và xã hội. Đó là các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sáng tác, hành chính sự nghiệp, dịch vụ,... trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (như trồng trọt, chăn nuôi, giáo dục, y tế, nghệ thuật, xây dựng, hàng không, công nghệ,...).

Vai trò gia đình: Là tất cả các hoạt động không tạo ra thu nhập bao gồm nội trợ, nuôi dạy con cái, chăm sóc các thành viên trong gia đình, nghỉ ngơi giải trí,...

Vai trò cộng đồng: Là tất cả các hoạt động diễn ra ngoài phạm vi gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng như: phục vụ các hoạt động lễ hội, lao động công ích, họp hội, trao đổi thông tin, giữ gìn trật tự, vệ sinh nơi công cộng, thăm hỏi, hòa giải... hoặc tham gia quản lý cộng đồng.

Các vai trò giới vừa chịu tác động của yếu tố tự nhiên (như tuổi tác, giới tính và các đặc điểm sinh học) vừa chịu tác động của yếu tố xã hội (tập quán, văn hóa, tôn giáo, sự kì vọng của xã hội về vai trò của mỗi giới,...). Do vậy, việc thực hiện các vai trò giới cũng bị ảnh hưởng bởi các định kiến giới. Chẳng hạn ở Việt Nam, nam giới thường làm các công việc được coi là công việc nặng, quan trọng như cày bừa, cầu đường, lãnh đạo... trong khi nữ giới thường làm các công việc được coi là việc nhẹ như nhổ cỏ, cấy lúa, giáo viên, thư kí ... Trong gia đình, phụ nữ thường phải đảm nhiệm các công việc nội trợ, chăm sóc người ốm,... những việc này thường được coi là không quan trọng.



Vận dụng trong công tác hướng nghiệp

Hiểu về vai trò giới giúp nam, nữ học sinh và những người làm công tác hướng nghiệp hiểu rằng định kiến giới và phân biệt đối xử về giới trong phân công lao động sẽ tác động đến quyết định lựa chọn việc làm của các em.

Điều 9, Bộ Luật Lao động ban hành năm 2012 quy định: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm. Việc làm được thể hiện dưới 3 hình thức:

- Công việc để nhận tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc đó;
- Công việc để thu lợi cho bản thân mà bản thân lại có quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu một phần hay toàn bộ tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó (ví dụ, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp v.v.);
- Công việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao bằng tiền lương, tiền công (ví dụ: nội trợ, làm vườn v.v.).

Như vậy, cả ba vai trò giới đều có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi cá nhân. Tuy nhiên, cách hiểu về giá trị của những vai trò giới này lại rất khác nhau trong nhận thức của mỗi người; có người cho rằng công việc này là tốt/quan trọng nhưng với người khác lại không tốt/không quan trọng. Vì vậy, một công việc được cho là tốt/quan trọng cần được đánh giá theo một số tiêu chí sau:

- Đem lại niềm đam mê cho chính người lao động;
- Người lao động thực sự yêu thích, tự hào về nơi mình làm việc và công việc mình đang làm;
- Người lao động gắn bó, tin tưởng, thoải mái thực sự với đồng nghiệp cùng làm việc;
- Được hưởng lương/thưởng hợp lý, hoặc được đánh giá xứng đáng với khả năng, công sức, cống hiến của người lao động.

Rõ ràng rằng muốn có công việc tốt, mỗi người (nam, nữ) phải tìm hiểu bản thân mình, tìm hiểu nghề nghiệp, công việc mình muốn làm mà không bị các định kiến giới gây ảnh hưởng. Tức là mỗi học sinh nam, nữ cần phải mở rộng phạm vi tìm hiểu cả các nghề thuộc nhóm sở thích, khả năng của bản thân (kể cả nghề mới xuất hiện).

Ngoài ra, người làm công tác hướng nghiệp cần phải cố gắng hạn chế và loại bỏ các định kiến giới và phân biệt đối xử về giới trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh về nghề nghiệp và phân công nhiệm vụ cho cán bộ¹¹, giáo viên và học sinh (nam nữ); tức là tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ học sinh khi tham gia tìm hiểu, trao đổi hay thực hiện các hoạt động, công việc trong lớp và ngoại khóa; đồng thời chú ý tới sự khác biệt về giới trong sở thích và năng lực học tập của học sinh.

¹¹ Từ cán bộ được dùng trong tài liệu này có nghĩa là các cán bộ trong các cơ sở giáo dục, trong Hội LHPN và trong các đơn vị khác có làm công tác hướng nghiệp.

Nam hay nữ đều có thể làm tốt các công việc phi truyền thống về giới



Nguồn ảnh¹²

12 Ảnh 1. Thầy Toàn dạy múa. Nguồn: <http://hssv.tienphong.vn/hoc-sinh-sinh-vien/nhung-thay-giao-hiem-hoi-cua-truong-mam-non-659622.tpo>

- Ảnh 2. Bé làm bánh cookies. Nguồn: <http://meyeucon.org/31177/de-giup-tre-hoc-bang-nhieu-giac-quan-cung-mot-luc/>

- Ảnh 4. Hội LHPNVN – Actionaid international vietnam. Bình đẳng giới: Hôm nay và ngày mai. Bức tranh “Giới việc nước, đảm việc nhà” của Trần Thủy Tiên đạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh về bình đẳng giới.

4. CÔNG BẰNG GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI



Khái niệm

Công bằng giới là cách thức đối xử phù hợp với nữ và nam trên cơ sở xem xét và coi trọng sự khác biệt về nhu cầu, rào cản văn hóa, năng lực để tạo điều kiện thuận lợi cho họ phát huy tối đa khả năng của mình¹³, nhằm đem lại sự công bằng về mặt cơ hội và điều kiện thực hiện bình đẳng các kết quả cho họ, dựa trên năng khiếu, khả năng và hứng thú của cá nhân, bất kể họ có đặc điểm nào về giới.

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ hội nhằm phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó¹⁴.

Bình đẳng giới thể hiện ở việc:

- **Nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau.** Đây vừa là nguyên tắc cơ bản về quyền bình đẳng, vừa là mục tiêu chúng ta phải nỗ lực phấn đấu mới đạt được.
- **Nam, nữ được tạo cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp để họ có thể phát huy tối đa năng lực của mình.** Đây là cơ sở nền tảng để tăng quyền năng cho mỗi giới.
- **Nam, nữ được thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển.** Đây là thước đo kết quả đầu ra của bình đẳng giới, đảm bảo sự công bằng xã hội.

Mục tiêu bình đẳng giới bao gồm: (1) Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới; (2) Ghi nhận sự khác biệt và tạo điều kiện thuận lợi cho nam, nữ phát huy tối đa khả năng của mình và (3) Thiết lập quan hệ, hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình¹⁵.

Như vậy, bình đẳng giới không phải là sự hoán đổi vai trò hay chức năng của nam và nữ; cũng không phải là sự tuyệt đối hóa bằng các con số hoặc tỉ lệ phần trăm 50/50 giữa nam và nữ trong việc thực hiện các vai trò, nhiệm vụ hay đảm nhiệm các vị trí xã hội; mà bình đẳng giới chính là *sự công nhận và tôn trọng những điểm tương đồng và khác biệt giữa nam và nữ trong việc thực hiện các vai trò giới, đặc biệt là quyền lực về chính trị và kinh tế.*

¹³ Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

¹⁴ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5.

¹⁵ Quỹ hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

Do vậy, khi nói đến bình đẳng giới nghĩa là nam, nữ phải được bình đẳng thực chất trong các khía cạnh: *Bình đẳng về quyền; Bình đẳng về vị thế; Bình đẳng về cơ hội; Bình đẳng về lợi ích*; nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nữ và nam phát huy được tối đa sở trường và năng lực của họ, cũng như có thể tiếp cận công bằng được các cơ hội và nguồn lực cần thiết cho sự phát triển. Bình đẳng giới là mục đích cần phải đạt được, còn công bằng giới là cách thức hay biện pháp cần thực hiện để đạt được mục đích bình đẳng giới đã đề ra.



Vận dụng trong công tác hướng nghiệp

“Không có một quốc gia nào mà sự phát triển và sự thịnh vượng của nó lại chỉ do một giới nam hoặc một giới nữ tạo nên” và “Những quốc gia rút ngắn được khoảng cách giữa nam và nữ trong việc học tập chính là những quốc gia đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng và ổn định nhất trong vòng 50 năm qua” (Ngân hàng thế giới)¹⁶.

Các hoạt động hướng nghiệp đều cố gắng đảm bảo công bằng giới và tỉ lệ tham gia hợp lí giữa nữ và nam. Đó chính là các biện pháp cần thiết để đạt được bình đẳng giới.

Do vậy, khi tổ chức bất kì hoạt động hướng nghiệp nào với học sinh, về thành phần ban tổ chức, người thực hiện, khách mời và học sinh tham gia ... đều cố gắng để có tỉ lệ cân bằng hợp lí giữa nam và nữ, đặc biệt có sự tham gia của cả hai giới nam và nữ đối với các công việc phi truyền thống để tránh làm nặng hơn các định kiến giới trong nghề nghiệp.

Theo Bộ luật Lao động năm 2012 quy định mọi người lao động đều có quyền: *“Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử”¹⁷.*

Để đạt được điều này thì mọi người (cả nam giới và nữ giới) trong các giai đoạn phát triển của cuộc đời đều được bình đẳng về quyền và cơ hội học tập. Các em học sinh (nam, nữ) đều đảm bảo được bình đẳng về quyền, vị thế, cơ hội và lợi ích; cụ thể là được thừa nhận có năng lực học tập như nhau; đều được tin tưởng và tạo điều kiện thuận lợi trong học tập, hoạt động và hỗ trợ hướng nghiệp phù hợp với sở trường và năng lực của mình. Khi đó, trong tất cả các bước của quá trình hướng nghiệp, từ nhận thức bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và lập kế hoạch nghề nghiệp,...các em đều sẽ không bị tác động bởi bất kỳ một khuôn mẫu giới hay định kiến giới nào.

¹⁶ Trích từ nguồn: Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ - UNDP. Dự án VIE/96/011. Tài liệu tập huấn Phân tích giới và lập kế hoạch dưới góc độ giới. Hà Nội, 1998

¹⁷ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 5, Khoản 1, mục a.

5. NHẠY CẢM GIỚI, TRÁCH NHIỆM GIỚI VÀ LỒNG GHÉP GIỚI



Khái niệm

Nhạy cảm giới là chỉ khả năng của một cá nhân hay một tổ chức trong việc nhận thức đầy đủ và đúng đắn về các vấn đề giới và tầm quan trọng của bình đẳng giới trong tổ chức và trong thực hiện các hoạt động can thiệp cụ thể¹⁸.

Trách nhiệm giới chỉ những hành động thực tiễn của cá nhân hoặc tổ chức để giải quyết các vấn đề giới, nhằm cải thiện hoặc loại trừ tình trạng bất bình đẳng giới.

Lồng ghép giới là biện pháp hay cách thức đưa mối quan tâm về bình đẳng giới vào trong công việc hàng ngày của mỗi cá nhân hay tổ chức; đây là quy trình liên tục, có hệ thống và nhất quán xem xét và phân tích kỹ lưỡng các yếu tố giới trong tất cả các khía cạnh hoạt động khác nhau để xác định được các vấn đề giới và nguyên nhân gây bất bình đẳng giới. Đồng thời, thực hiện các biện pháp can thiệp cụ thể để giải quyết những vấn đề bất bình đẳng giới đó một cách hiệu quả.

Nói cách khác, lồng ghép giới là việc cá nhân hay tổ chức có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới trong công việc hàng ngày của mình để đảm bảo:

- Nhận diện được các vấn đề giới và phân tích nguyên nhân cũng như tác động tiêu cực của nó tới sự phát triển của cá nhân, tổ chức và xã hội;
- Đưa ra các biện pháp can thiệp (luật pháp, chính sách, cơ chế, hay các chương trình hoạt động và phương pháp) để giải quyết vấn đề giới một cách hiệu quả nhất. Các biện pháp can thiệp này cần phải tính đến nhu cầu, lợi ích, trải nghiệm và khả năng khác nhau của nam và nữ.

Ví dụ: Ở một trường trung học phổ thông A, thông thường cán bộ, giáo viên nam sẽ đi tập huấn về hướng nghiệp nhiều hơn và họ có nhiều thời gian để tìm hiểu thông tin, đặc biệt thông tin trên mạng,... Trong khi đó việc tổ chức thực hiện các hoạt động hướng nghiệp tại nhà trường thì có cả nam và nữ giáo viên tham gia. Là người nhạy cảm giới, hiệu trưởng sẽ nhận thấy vấn đề trên có ảnh hưởng tới hiệu quả công tác hướng nghiệp. Là một người có trách nhiệm giới, hiệu trưởng sẽ tạo điều kiện để có cả nữ giáo viên được tham gia tập huấn về hướng nghiệp hoặc tổ chức các hội thảo để giáo viên nữ được chia sẻ lại các nội dung hướng nghiệp đã

¹⁸ Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới, 2015.

được tập huấn. Mặt khác, hiệu trưởng sẽ sắp xếp thời khóa biểu cho phù hợp để nữ giáo viên có thời gian tham gia tập huấn, thảo luận và tìm hiểu thông tin hướng nghiệp v.v.



Vận dụng trong công tác hướng nghiệp

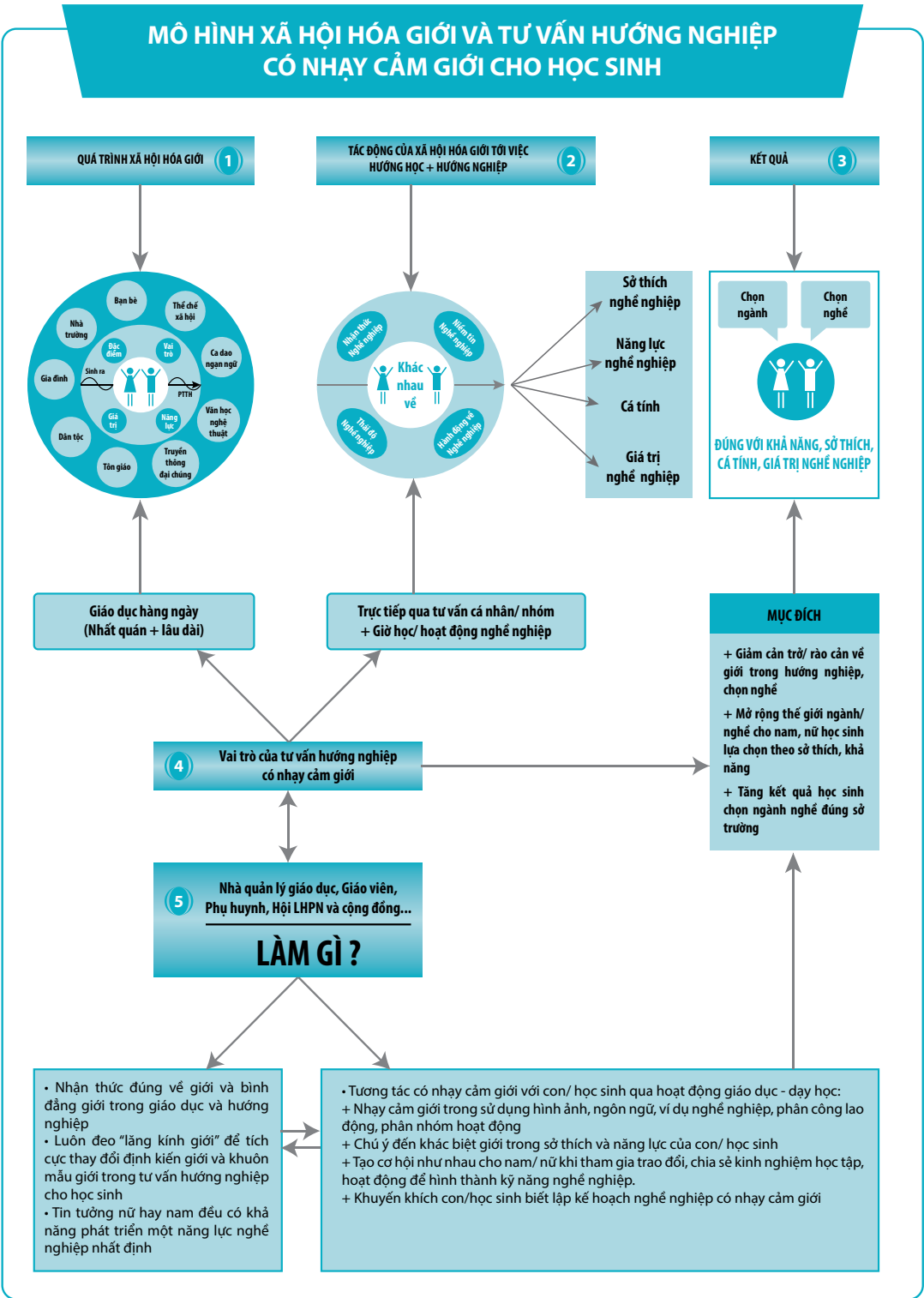
Công ước Quốc tế về quyền trẻ em quy định: mọi trẻ em sinh ra và lớn lên, dù là trai hay gái đều có những quyền cơ bản của con người như Quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được học tập, quyền được tham gia và quyền được phát triển tối đa mọi năng lực, sở trường cho sự phát triển toàn diện của bản thân,....

Như vậy, bình đẳng giới là một trong các yếu tố cơ bản để giúp các em học sinh (nam, nữ) đạt được các quyền cơ bản của con người. Muốn đạt được bình đẳng giới thì phải thực hiện tốt công tác lồng ghép giới trên cơ sở cá nhân hay tổ chức đó phải có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới.

Lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp được hiểu là các cá nhân hay tổ chức hướng nghiệp phải đưa mối quan tâm về giới vào trong tất cả các khâu của công tác hướng nghiệp, từ việc quản lý cho đến thực hiện và giám sát công tác hướng nghiệp, bao gồm xây dựng năng lực hướng nghiệp cho cán bộ, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh, phát triển cơ sở vật chất và nguồn tài liệu, cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động hướng nghiệp đối với học sinh và cha mẹ học sinh,...

Ý nghĩa và vai trò to lớn của lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp được mô hình hóa theo sơ đồ ở Hình 2 dưới đây:

Hình 2. Mô hình xã hội hóa giới và công tác hướng nghiệp có nhạy cảm giới



PHIẾU HỌC TẬP PHẦN I

PHIẾU HỌC TẬP 1.1

Những đặc điểm/nhận định nào dưới đây liên quan đến khái niệm giới tính hoặc giới hoặc cả giới tính và giới? (hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)

Các đặc điểm/nhận định	Giới tính	Giới	Cả giới tính và giới
1. Nam giới có nội tiết tố testosterone; mạnh mẽ và quyết đoán.			
2. Trẻ em trai thường không chọn đồ chơi là búp bê.			
3. Con gái đến tuổi dậy thì có kinh hàng tháng và thường phải rửa bát, trông em bé.			
4. Hầu hết hiệu trưởng trường trung học phổ thông là nam giới.			
5. Phụ nữ có nội tiết tố estrogen, thích làm đẹp.			
6. Con trai thích đá bóng, con gái thích nhảy dây.			
7. Trẻ em trai thường vỡ giọng ở tuổi dậy thì.			
8. Mọi nam giới đều có cơ bắp to và khỏe mạnh.			
9. Nữ giới không có râu, dịu dàng và rụt rè.			
10. Hầu hết phi công đều là nam giới. Phần lớn y tá, điều dưỡng viên là nữ.			

PHIẾU HỌC TẬP 1.2

Những quan điểm/nhận định nào dưới đây là định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới ? (hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)

Các quan điểm/nhận định	Định kiến giới	Phân biệt đối xử về giới
1. Con trai không nên khóc lóc, con gái không nên chủ động hẹn hò với bạn trai.		
2. học sinh nam thường được chọn vào đội tuyển thi học sinh giỏi nghề nhiều hơn học sinh nữ.		
3. Con gái không nên làm các công việc thăm dò địa chất, kỹ sư cầu đường.		
4. Đàn ông phải là người trụ cột kiếm tiền, nuôi sống gia đình.		
5. Con gái không nên chơi đá bóng vì không nữ tính.		
6. Nữ được tuyển làm tiếp viên hàng không nhiều hơn nam.		
7. Giáo viên tiểu học thường chọn học sinh nữ làm lớp trưởng nhiều hơn học sinh nam.		
8. Nhà trường chỉ tổ chức nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản và phòng tránh có thai ngoài ý muốn cho nữ sinh.		
9. Giáo viên thường phân công học sinh nam chặt cây, đào hố; học sinh nữ quét lớp và dọn nhà vệ sinh.		
10. Nam làm lãnh đạo giỏi hơn nữ. Nữ quản lý tài chính gia đình giỏi hơn nam.		

PHẦN II

LỒNG GHÉP GIỚI

TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

1. SỰ CẦN THIẾT VÀ NGUYÊN TẮC LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

1.1. Sự cần thiết phải lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp



Cơ sở pháp lí của việc lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp.

Mục đích chủ yếu của giáo dục hướng nghiệp là phát hiện, bồi dưỡng tiềm năng sáng tạo của cá nhân, giúp họ hiểu mình và hiểu yêu cầu của nghề, chuẩn bị cho họ sự sẵn sàng tâm lí đi vào những nghề mà các thành phần kinh tế trong xã hội đang cần nhân lực, trên cơ sở đó đảm bảo sự phù hợp nghề cho mỗi cá nhân¹⁹. Do vậy, lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp là biện pháp chiến lược nhằm giúp nam, nữ học sinh phát huy được tối đa năng lực nghề nghiệp của bản thân, đảm bảo được quyền bình đẳng của họ trong hướng nghiệp.

Các quyền bình đẳng này được khẳng định trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của quốc gia như sau (xem chi tiết phần phụ lục):

1. Luật Bình đẳng giới;
2. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020;
3. Luật Giáo dục và Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020;
4. Nghị định số 48//2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới qui định.

Như vậy, việc thực hiện lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung và công tác hướng nghiệp nói riêng là trách nhiệm chung của các cơ quan và tổ chức nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của nam, nữ học sinh, sinh viên ở mọi cấp học; khơi dậy tiềm năng nghề nghiệp, tăng hiệu quả lao động của mỗi người, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.



Cơ sở thực tiễn

Mặc dù Luật bình đẳng giới đã quy định “Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo” và Bộ luật Lao động năm 2012 cũng quy định mọi người lao động đều có quyền “Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề,

¹⁹ Bộ GD&ĐT – VVOB. Tài liệu tập huấn Đổi mới giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học, 2013.

nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử”²⁰.

Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 cho thấy “ở tất cả các vùng/linh vực kinh tế, nam giới đều có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao hơn so với nữ giới”, “đặc biệt, dân số nam ở thành thị có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn so với dân số nữ ở cả thành thị và nông thôn”²¹.

Số liệu điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2012 cũng chỉ ra “có tới 5 trong 9 nhóm nghề sử dụng ít lao động nữ hơn nam giới như thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị, thợ thủ công và các nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp; đặc biệt chỉ có 23,9% nữ giới là “Nhà lãnh đạo”. Các nghề sử dụng nhiều lao động nữ hơn nam giới là dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng, chuyên môn kỹ thuật bậc cao và chuyên môn kỹ thuật bậc trung và lao động giản đơn”²². Đặc biệt, trong (34,9%) số người không hoạt động kinh tế vì đang đi học, nam chiếm tỷ lệ cao hơn nữ (nam giới 45,1%, nữ chỉ có 28,4%). Ngược lại, nữ giới chiếm hầu hết (96,1%) trong tỷ trọng những người không hoạt động kinh tế vì lý do nội trợ”²³.

Các ngành kỹ thuật tỉ lệ sinh viên nữ nhìn chung thấp: Trường đại học Bách khoa Hà Nội có tỉ lệ nữ sinh viên chưa đến 20%. Trường đại học Bách khoa Đà Nẵng tỉ lệ nữ chiếm khoảng 15%; trong khi đó tỉ lệ này ở trường đại học Sư phạm Đà Nẵng là 73% và ở trường đại học Ngoại thương là 80%²⁴.

20 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 5, Khoản 1, mục a..

21 Tổng cục thống kê. Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009. Giáo dục Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu. Dẫn theo đường link: file:///C:/Users/toshiba/Downloads/5_Chuyenkhao-Giaoduc.pdf.

22&23 Tổng cục Thống kê. Điều tra Lao động và Việc làm Việt Nam năm 2012. Dẫn theo đường link: http://www.gopfp.gov.vn/home?p_p_id=47_INSTANCE_Tw1f&p_p_lifecycle=0&p_p_state=exclusive&p_p_mode=view&_47_INSTANCE_Tw1f_struts_action=%2FCMS_NEWS_LIST%2Fview_category&_47_INSTANCE_Tw1f_ArticleID=711330&_47_INSTANCE_Tw1f_TypeID=NC-TD

24 TS Nguyễn Thị Nghĩa – Thứ trưởng Bộ GD&ĐT. Tham luận “Nâng cao chất lượng nữ sinh viên các trường đại học nhằm tăng cường đội ngũ trí thức Việt Nam” tại Hội thảo khoa học Nữ trí thức Việt Nam đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, 2010



Lợi ích của lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp

Thực chất của lồng ghép giới là đưa ra các cách thức để xóa bỏ định kiến giới và mọi hình thức phân biệt đối xử về giới trong công tác giáo dục và hướng nghiệp để bảo vệ các quyền con người cơ bản cho nam, nữ học sinh, phụ nữ và nam giới; góp phần giải quyết các bất bình đẳng giới đang tồn tại và thúc đẩy bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp sẽ tạo cơ hội cho nam, nữ học sinh được hưởng một nền giáo dục tốt nhất cho sự phát triển năng lực cá nhân, mà không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào; qua đó, giúp các em phát triển được năng lực nghề nghiệp của bản thân phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, giáo dục bình đẳng giới và hướng nghiệp có nhạy cảm giới sẽ có tác động rất lớn đến phát triển nhân cách của học sinh; hình thành các quan điểm tiến bộ về giới ngay từ lứa tuổi học đường; tạo nền tảng cho hành động có trách nhiệm giới của học sinh khi các em trưởng thành, ...

Những nỗ lực lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp sẽ giúp cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục và hướng nghiệp, góp phần tạo dựng hình ảnh và nâng cao uy tín của các cơ quan/tổ chức giáo dục đối với địa phương, cha mẹ học sinh và các doanh nghiệp sử dụng lao động.

1.2. Nguyên tắc cơ bản về lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp

Lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp là việc nhận ra và thừa nhận có sự khác nhau giữa nam và nữ (đối với các nhóm học sinh, nhóm lãnh đạo, cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và những người có liên quan) về nhu cầu, mức độ tự tin, sự sẵn sàng và năng lực tham gia vào các hoạt động hướng nghiệp. Đồng thời, đưa ra được các biện pháp can thiệp phù hợp để giải quyết các vấn đề giới (nếu có) trong công tác hướng nghiệp nhằm thay đổi (trước mắt và lâu dài) tư duy và hành động có trách nhiệm giới của các em học sinh và của những người làm công tác hướng nghiệp (nhà quản lý, cán bộ, giáo viên, cha mẹ, v.v.).

Như vậy, lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp có nghĩa là những người làm công tác hướng nghiệp cần phải có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới trong một số khía cạnh chính, bao gồm:

- Xây dựng năng lực hướng nghiệp cho học sinh;
- Bồi dưỡng năng lực cho những người làm công tác hướng nghiệp;
- Lập kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá công tác hướng nghiệp.

Muốn vậy, cá nhân và các tổ chức làm công tác hướng nghiệp phải bảo đảm các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Nhận thức đúng về giới và bình đẳng giới trong hướng nghiệp. Cam kết thực hiện lồng ghép giới trong giáo dục và hướng nghiệp;
- Có lắng kính giới trong mọi hoạt động hướng nghiệp từ lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, bồi dưỡng năng lực, tổ chức và thực hiện hoạt động, giám sát và đánh giá v.v.;
- Thừa nhận sự khác biệt và tin tưởng nữ hay nam đều có khả năng làm tốt các công việc theo sở thích và khả năng nghề nghiệp của họ;
- Tương tác có nhạy cảm giới trong giáo dục và hướng nghiệp, tức là những người làm công tác hướng nghiệp cần sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, câu chuyện,... về nghề nghiệp một cách trung tính²⁵.... và tránh rơi vào bất bình đẳng giới²⁶;
- Đảm bảo tỉ lệ cân bằng nam và nữ trong việc tham gia tổ chức, thực hiện và hưởng lợi trong mọi hoạt động giáo dục và hướng nghiệp;
- Tạo ra môi trường học tập thân thiện, để học sinh nam và nữ có cơ hội cùng trao đổi, đối thoại, hợp tác trong học tập và hoạt động;
- Hướng dẫn, hỗ trợ học sinh nhận ra khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mình mà không bị ảnh hưởng bởi rào cản của định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới;
- Ủng hộ, tư vấn và khích lệ con trai/con gái, học sinh nam/nữ chọn hướng học, chọn nghề theo “rẽ cây nghề nghiệp” và phù hợp với điều kiện gia đình, thị trường lao động v.v., kể cả lựa chọn các ngành/ngề phi truyền thống về giới.

25 Trung tính nghĩa là có tính trung gian giữa hai tính đối kháng, không có hẳn tính này mà cũng không có hẳn tính kia... Nguồn: <http://tratu.soha.vn/>. Trung tính về giới, ví dụ: dùng thuật ngữ nam giới, nữ giới hoặc trẻ em trai, trẻ em gái mà không tạo ra khoảng cách hoặc khác biệt giữa hai giới. Dùng tên nhân vật trung tính nghĩa là tên đó có thể hiểu là nam hoặc nữ đều được.

26 Bất bình đẳng giới nghĩa là nhìn vào số lượng thì thấy nữ được cân bằng, thậm chí còn được nhắc tới nhiều hơn; nhưng trên thực tế các vai trò, vị trí của họ thường kém quan trọng hơn nam giới. Ví dụ: trong SGK môn Toán lớp 2 nữ xuất hiện nhiều hơn nam trong các hình ảnh minh họa. Tuy nhiên, phân tích sâu nội dung của những hình ảnh này cho thấy: “Các nhân vật nữ thường làm những công việc về nông nghiệp, chăm sóc động vật, trồng cây, làm việc nhà, nấu ăn, mua sắm ở chợ, làm nhân viên bán hàng hoặc làm cô giáo; trong khi các nhân vật nam thường thấy có mặt trong các hoạt động liên quan tới kỹ thuật, là nhà lãnh đạo và các công việc đòi hỏi có tri thức, công nghệ”.

2. ĐỊNH HƯỚNG LỒNG GHÉP GIỚI TRONG XÂY DỰNG NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH

2.1. Xây dựng năng lực nhận thức bản thân có nhạy cảm giới²⁷

Quá trình hình thành *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của học sinh nam và nữ luôn bị ảnh hưởng bởi quá trình xã hội hóa (xem sơ đồ 1), điều này sẽ ảnh hưởng tới quan niệm, nhận thức, niềm tin và thái độ lựa chọn nghề nghiệp của nam, nữ học sinh. Ví dụ: Con trai thường được mua các đồ chơi xếp hình, ô tô, siêu nhân, tập làm thợ xây,... được khuyến khích và phân công làm công việc “nặng, phức tạp” như đào hố, khênh vác, sửa chữa đồ gia dụng, đồ điện, điều hành lớp/tổ, giữ gìn trật tự; được định hướng và sắp xếp học các nghề mộc, tiện, nề, cơ khí,... nên nam học sinh thường tin là mình có khả năng học tốt các ngành, nghề mang tính kĩ thuật. Ngược lại, con gái được mua đồ chơi búp bê, bán hàng, nấu ăn,... được khuyến khích và phân công làm công việc nhẹ, sự vụ như giúp việc nội trợ, vào điểm, quản lí sổ sách cho bố mẹ/thầy cô,...; được định hướng và sắp xếp học các nghề may, thêu, làm đẹp,... nên nữ học sinh thường tin rằng mình không phù hợp với các ngành kĩ thuật. Do vậy, khi sử dụng các lí thuyết hướng nghiệp để giúp học sinh xây dựng năng lực nhận thức bản thân, người làm hướng nghiệp phải có nhạy cảm giới để luôn chú ý phát hiện các vấn đề giới (định kiến giới, khuôn mẫu giới hay sự phân biệt đối xử về giới,...) đang tồn tại hoặc có thể nảy sinh trong quá trình hướng nghiệp có thể tác động tiêu cực tới quá trình xây dựng năng lực nhận thức bản thân của nam, nữ học sinh. Cụ thể:

– *Quá trình hình thành sở thích và khả năng:*

Ảnh hưởng của vấn đề giới tới quá trình hình thành sở thích và khả năng lao động của mỗi người là kết quả của giáo dục và tác động của phân công lao động theo giới trong gia đình và xã hội. Ngày nay vẫn có định kiến cho rằng nam khỏe mạnh, học giỏi các môn tự nhiên, nhưng thiếu tính kiên nhẫn, tỉ mỉ và khéo léo,... nên phù hợp hơn với các ngành mang tính kĩ thuật, quản lí,...; nữ học giỏi các môn xã hội, là người yếu mềm, nhạy cảm, nhưng ít quyết đoán, tư duy logic kém hơn... nên phù hợp hơn với các ngành mang tính xã hội và nhân văn. Dựa trên những định kiến này mà phần lớn con trai và con gái được định hướng sở thích và rèn dạy để

²⁷ Tham khảo chuyên đề 1 tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9, 10, 11 và 12 – VVOB Việt Nam, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia 2012 - đề hiểu sâu về Lí thuyết Cây Nghề nghiệp và Lí thuyết Hệ thống. Xem phụ lục về hai lí thuyết này.

hình thành các kĩ năng mang đặc tính giới khác nhau thông qua đồ chơi, trò chơi, môn học, hoạt động, thực hành, trải nghiệm.

– **Quá trình hình thành cá tính:**

Nam thường được mong đợi là người hướng ngoại, lí tính, năng động, mạnh mẽ, quyết đoán, tự tin,... vì thế, luôn được rèn dạy và khuyến khích phát triển những tính cách này thông qua đồ chơi, trò chơi, môn học, hoạt động ngoại khóa,... mang tính kĩ thuật, công nghệ; được tự do giao lưu nhóm bạn. Ngược lại, nữ được mong đợi là người hướng nội, nhạy cảm, cẩn thận, tỉ mỉ, điềm đạm, kín đáo, biết nhẫn nhịn,... vì thế được rèn dạy và khuyến khích phát triển những tính cách này thông qua đồ chơi, trò chơi, môn học, hoạt động ngoại khóa,... mang tính xã hội, nhân văn, hành chính, sự vụ; thường bị kiểm soát nhiều hơn con trai khi giao lưu với các nhóm bạn.

– **Quá trình hình thành giá trị nghề nghiệp:**

Định kiến rằng đàn ông là trụ cột gia đình nên coi công việc ngoài xã hội quan trọng hơn công việc trong gia đình. Xã hội cũng định kiến rằng công việc mang tính kĩ thuật, quản lí, nghiên cứu khoa học,... có giá trị hơn, được trả công cao hơn công việc hành chính, nghiệp vụ. Con trai quan trọng hơn con gái trong việc “nối dõi tông đường”, thờ phụng tổ tiên; nam thường có ý tưởng lớn và đam mê nghề nghiệp hơn nữ; nam phải thành đạt trong sự nghiệp để được tôn trọng và làm vẻ vang dòng tộc; nữ chỉ cần có việc làm ổn định, lấy chồng và vun vén cho con cái, gia đình,...

– **Ảnh hưởng giới từ giáo viên:**

Vì vị thế và uy tín của giáo viên luôn làm cho học sinh tin theo. Niềm tin và nhận thức về giới của giáo viên qua dạy học hay thực hành trên lớp có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự lựa chọn nghề nghiệp của nam, nữ học sinh. Ví dụ: nếu giáo viên có niềm tin rằng con trai học giỏi môn toán hơn con gái, con gái học giỏi văn hơn con trai. Hoặc giáo viên cho rằng học sinh nam có khả năng học giỏi kĩ thuật nên phù hợp hơn nghề mộc, hàn, cơ khí; còn học sinh nữ nổi trội hơn với nghề nuôi dạy trẻ, giao tiếp khách hàng,...; thì những niềm tin và nhận thức nghề mang màu sắc giới này của giáo viên có tác động trực tiếp tới việc xác định mục tiêu và định hướng con đường nghề nghiệp của nam và nữ học sinh.

– **Ảnh hưởng giới từ gia đình:**

Cha mẹ có vai trò quan trọng trong việc hướng nghiệp cho con. Cách hiểu về nam tính và nữ tính theo quan niệm truyền thống (con trai phải mạnh mẽ, quyết đoán, trụ cột gia đình; con gái phải dịu dàng, nhẫn nhịn, phù hợp với công việc nhẹ nhàng,...) cũng có vai trò rất quan trọng trong việc lựa chọn nghề nghiệp của nam, nữ học sinh.

– **Ảnh hưởng giới từ bạn bè:**

Ở bậc trung học, nam, nữ học sinh chịu tác động rất lớn từ nhóm bạn, đây cũng là giai đoạn các em nhận ra hầu hết bản sắc giới của mình qua bạn bè. Với tính chất là một nhóm đồng đẳng, bạn bè là nguồn tư vấn lớn về hướng nghiệp, chọn nghề của học sinh. Mặt khác, là thành viên của một nhóm, các em cũng vừa là người hướng dẫn, vừa là tư vấn viên của bạn mình. Nếu nhận thức và niềm tin về nghề của các em cũng bị ảnh hưởng bởi các định kiến giới và khuôn mẫu giới, nó sẽ khiến cho việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch nghề của mỗi cá nhân không theo “Rẽ cây nghề nghiệp”, mà theo nhóm bạn.



Một số gợi ý định hướng xây dựng năng lực nhận thức bản thân có nhạy cảm giới

- Khi phân công nhiệm vụ cho học sinh cần chú ý tới khả năng, sở thích và cá tính của các em (không yêu cầu học sinh nữ và học sinh nam làm riêng những công việc theo quan niệm truyền thống; mà có thể phân công học sinh nữ sửa chữa dụng cụ lọc nước, lắp bóng đèn, thiết kế đồ họa trên máy tính hoặc chơi bóng đá... nếu các em thích và có thể làm được; đồng thời, phân công và khuyến khích học sinh nam quét dọn, vệ sinh, học cắm hoa, làm bánh, chơi nhảy dây, hát múa...);
- Giúp nam, nữ học sinh nhận diện được những vấn đề giới, khuôn mẫu giới gây ảnh hưởng tới quá trình xây dựng năng lực nhận thức bản thân của các em. Khuyến khích nam, nữ học sinh sẵn sàng chia sẻ những suy nghĩ và cảm xúc về việc các em được người khác nhìn nhận về khả năng, sở thích, cá tính như thế nào. Điều này sẽ giúp các em hiểu được các ảnh hưởng của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới;
- Tạo cơ hội và có sự đánh giá công bằng đối với nam, nữ học sinh khi các em phát biểu, chia sẻ ý kiến hoặc tham gia các hoạt động tập thể;
- Nhạy cảm giới trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, phương tiện/công cụ hay khi lấy ví dụ về nghề nghiệp. Cần nêu tên trung tính (ví dụ: nên nói Hoàng là một học sinh thích học toán thay vì nói Hoàng là một học sinh nam), tránh dùng các hình ảnh về các công việc truyền thống của nam và nữ, nên sử dụng các hình ảnh có công việc phi truyền thống và hoặc các hình ảnh về nghề mà nam và nữ đều làm được.

2.2. Xây dựng năng lực nhận thức nghề nghiệp có nhạy cảm giới

Tác động tiêu cực của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới khi học sinh tìm hiểu thông tin thị trường đào tạo và lao động không chỉ cản trở việc lựa chọn hướng học và nghề nghiệp của nam, nữ học sinh theo “rẽ”, mà còn gây nên sự bất bình đẳng giới. Điều này có thể khiến cho người lao động là nam hoặc nữ bị từ chối công việc, bị hạn chế ở một số nghề nghiệp nhất định hoặc bị trả lương thấp, hoặc bị đánh giá sai lệch khả năng làm việc, đơn giản chỉ vì giới tính chứ không phải do năng lực nghề nghiệp của họ.

Nếu học sinh nam, nữ đã hình thành năng lực nhận thức bản thân có nhạy cảm giới thì các em sẽ chủ động tìm hiểu các thông tin về thị trường đào tạo và lao động có nhạy cảm giới. Điều đó có nghĩa là phạm vi tìm kiếm thông tin được mở rộng, không theo khuôn mẫu truyền thống, có định hướng và dựa trên sở thích, khả năng của bản thân.



Một số gợi ý định hướng xây dựng năng lực nhận thức nghề nghiệp có nhạy cảm giới²⁸

- Chú ý cung cấp thông tin có nhạy cảm giới khi tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp, kết nối mạng lưới sinh viên hoặc những người thành công trong nghề nghiệp, phổ biến thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu văn bản và qua internet, ... nhằm thay đổi nhận thức, thái độ nghề nghiệp theo sự tiến bộ của xã hội và phân công lao động hiện đại, toàn cầu hóa; cần đảm bảo người cung cấp thông tin và hình ảnh đưa ra có cả đại diện của nam và nữ, đặc biệt chú ý tới tỷ lệ đại diện của giới trong các nghề phi truyền thống;
- Ủng hộ và khuyến khích nam, nữ học sinh mạnh dạn lựa chọn ngành, nghề phi truyền thống về giới, nếu các em tin tưởng rằng ngành nghề đó phù hợp với cá tính, khả năng và giá trị nghề nghiệp của mình dù các em thuộc giới tính nào; Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi “mình có sở thích và khả năng để theo học ngành này hay làm tốt nghề này hay không?”;
- Việc phân công có nhiều giáo viên nữ dạy hay hướng dẫn các môn học liên quan tới kỹ thuật cũng sẽ có vai trò quan trọng làm mẫu hình cho các nữ học sinh quan tâm tới công nghệ và kỹ thuật;
- Khích lệ và tạo điều kiện cho nữ học sinh tiếp cận và thực hành sử dụng thông thạo các thiết bị kỹ thuật và công nghệ thông tin ngay khi còn học ở bậc phổ thông.

²⁸ Tham khảo chuyên đề 1 tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9, 10, 11 và 12 – VVOB Việt Nam, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia 2012 - để hiểu thêm về các cách xây dựng năng lực nhận thức nghề nghiệp nhằm vận dụng trong việc lồng ghép giới.

2.3. Xây dựng năng lực lập kế hoạch nghề nghiệp²⁹ có nhạy cảm giới

Khi học sinh đã có nhạy cảm giới trong việc tìm hiểu bản thân và thị trường đào tạo và lao động nghĩa là các em đã có khả năng hiểu được các định kiến giới và phân biệt đối xử về giới có thể có từ gia đình, bạn bè, hoàn cảnh kinh tế, bối cảnh văn hóa, xã hội ảnh hưởng tới sự lựa chọn ngành học và nghề nghiệp. Sự hiểu biết về định kiến giới và phân biệt đối xử về giới này sẽ giúp các em lập kế hoạch nghề nghiệp³⁰ (kế hoạch nghề nghiệp) của mình một cách có nhạy cảm giới.

Lập kế hoạch nghề nghiệp có nhạy cảm giới là kế hoạch đảm bảo phân biệt đối xử về giới sẽ không ảnh hưởng tới mục tiêu nghề nghiệp và trả lời rõ cho 2 câu hỏi:

- Mục tiêu nghề nghiệp của mình là gì?
- Mình sẽ làm gì và làm như thế nào để đạt được mục tiêu ấy?

Cha mẹ học sinh có vai trò rất quan trọng trong quyết định nghề nghiệp của con em. Mục tiêu nghề nghiệp của học sinh có thể khác với mong muốn của cha mẹ các em. Vì vậy, để có kế hoạch khả thi cho việc đạt được mục tiêu nghề nghiệp, học sinh cần thiết phải nhận được sự ủng hộ từ gia đình. Khi đó, các em cần thảo luận với cha mẹ để đảm bảo quyết định nghề nghiệp của mình là phù hợp và khả thi, được lựa chọn dựa trên “rẽ” cây nghề nghiệp của bản thân.



Một số gợi ý định hướng xây dựng năng lực lập kế hoạch nghề nghiệp có nhạy cảm giới

Xác định mục tiêu nghề nghiệp – công việc sẽ làm trong tương lai. Công việc này có thể là công việc phi truyền thống; vì thế cần chú ý do tác động bởi định kiến giới, gia đình có thể ngăn cản các em thực hiện mục tiêu đó. Vậy nhà trường, thầy cô và các ban ngành sẽ giúp học sinh cái gì và như thế nào để các em thực hiện được kế hoạch nghề nghiệp của mình.

- Mời cha mẹ học sinh tham gia vào những hoạt động hướng nghiệp, hoặc phối hợp với Hội LHPN để hỗ trợ nâng cao năng lực hướng nghiệp có nhạy cảm giới cho cha mẹ học sinh;
- Tạo ra môi trường làm việc nhóm có sự hợp tác thân thiện về giới, không chỉ đảm bảo cân bằng về số lượng mà còn phải khuyến khích được tính hợp tác và

²⁹ Kế hoạch nghề nghiệp là bản kế hoạch mà trong đó học sinh nam, nữ mô tả về bản thân (4 yếu tố của “rẽ” cây nghề nghiệp), những tác động ảnh hưởng trong việc chọn hướng học, chọn nghề; mô tả mục tiêu nghề nghiệp và các việc cần làm.

³⁰ VVOB Việt Nam, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài. Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9, 10, 11 và 12 –, NXB ĐH Quốc gia 2012. Tham khảo chuyên đề 3 trong các tài liệu này để hiểu thêm về cách thức xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Xem tóm tắt trong phụ lục 3.

tích cực tham gia hoạt động của nam, nữ học sinh. Ví dụ, phân công học sinh luân phiên làm thủ lĩnh điều hành nhóm, nhất là đối với các em nữ. Vai trò của người dẫn dắt được thay đổi luân phiên, xoay vòng trong nhóm giữa nam và nữ học sinh. Việc đào tạo nam làm việc nhóm với trưởng nhóm là nữ và ngược lại cũng rất quan trọng trong việc hình thành kỹ năng lãnh đạo và sự hợp tác;

- Tạo điều kiện và khuyến khích học sinh học tốt những môn học mà các em yêu thích. Điều quan trọng là trong quá trình hướng nghiệp cho nam, nữ học sinh và đào tạo nghề cho nam, nữ thanh niên trẻ không được giới hạn phạm vi nghề nghiệp trong cái gọi là đặc điểm nam tính (như nghề cơ khí, kỹ thuật viên,...) hoặc nữ tính (như công việc chăm sóc, nhân viên phục vụ,...). Cần phải đảm bảo nam, nữ học sinh có quyền tiếp cận bình đẳng những xu hướng giáo dục và đào tạo hướng nghiệp trong mọi loại hình nghề nghiệp, nhằm đảm bảo sự phát triển cá nhân theo năng lực và sở trường của các em.
- Gợi ý, giúp nam, nữ học sinh suy ngẫm và tự quan sát xem bản thân em đặc biệt nổi trội trong lĩnh vực học tập hay nghề nghiệp nào;
- Tạo điều kiện để học sinh tham gia vào các hoạt động ngoại khóa của nhà trường hay ở thôn xóm, phường, quận ... có liên quan tới sở thích và khả năng của các em để các em và cha mẹ hiểu rõ hơn về sở thích và khả năng của con em;
- Giúp học sinh hiểu về điều kiện của gia đình, về mong muốn nghề nghiệp của gia đình mỗi em để giảm thiểu các mâu thuẫn trong mục tiêu và mong muốn nghề nghiệp của các em và gia đình;
- Giúp học sinh tìm hiểu về điều kiện (chi phí, thời gian) và yêu cầu học (môn học, trình độ, đầu vào ...) để đạt được mục tiêu nghề nghiệp;
- Khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh nam, nữ tham gia những hoạt động cộng đồng, giúp đỡ gia đình và người xung quanh để có cơ hội sử dụng, rèn luyện và bộc lộ những khả năng sẵn có;
- Hỗ trợ cung cấp thông tin cập nhật về thị trường lao động và tuyển dụng để chuẩn bị hồ sơ đăng kí sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Không phải ai khác, chính các em học sinh mới là người quyết định cuộc đời mình. Do đó, quyết định nghề nghiệp của mỗi học sinh phải là quyết định do em đó đưa ra, phù hợp với đam mê, năng lực và sở trường của mình.

3. ĐỊNH HƯỚNG LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ HƯỚNG NGHIỆP

3.1 Định hướng lồng ghép giới trong các hoạt động hướng nghiệp của cán bộ quản lý

Lồng ghép giới trong quản lý hướng nghiệp đòi hỏi cán bộ quản lý phải có trách nhiệm giới để phân tích những vấn đề giới hoặc bất bình đẳng giới hiện còn tồn tại trong đơn vị hoặc trong *hoạt động quản lý hướng nghiệp*; phân tích những tác động của nó tới hiệu quả công tác hướng nghiệp nhằm đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp.

Để có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới trong quản lý hướng nghiệp, cán bộ quản lý cần phải:

- **Lồng ghép giới vào công tác xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác hướng nghiệp.** Có nghĩa là cán bộ quản lý phải có nhạy cảm giới trong xây dựng mục tiêu, xác định các hoạt động hướng nghiệp và phân bổ nguồn lực cần thiết để triển khai các hoạt động đó. Ngoài ra, còn phải có nhạy cảm giới trong phân công nhiệm vụ cho các thành viên, đảm bảo rằng có cả nam và nữ cán bộ, giáo viên triển khai thực hiện kế hoạch hướng nghiệp và mọi người hiểu được trách nhiệm thực thi của mình. Lồng ghép giới vào lập kế hoạch chỉ đạo công tác hướng nghiệp phải đạt được một số yêu cầu sau:
 - + Đảm bảo phải có sự tham gia lập kế hoạch của cả nam và nữ trong các nhóm đối tượng chịu tác động chính của kế hoạch;
 - + Thiết kế các hoạt động hướng nghiệp phải đáp ứng được các nhu cầu giới và giảm thiểu các rào cản về giới đối với các nhóm đối tượng có liên quan (học sinh, cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và các bên liên quan);
 - + Người chịu trách nhiệm tham mưu lập kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch cần phải có trách nhiệm giới;
 - + Trước khi ban hành kế hoạch cần tham vấn các chuyên gia giới hoặc cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới để đảm bảo bản kế hoạch chỉ đạo hướng nghiệp có nhạy cảm giới.
- **Lồng ghép giới vào chương trình bồi dưỡng chuyên môn hướng nghiệp.** Đảm bảo cán bộ quản lý, cán bộ và giáo viên trong đơn vị phải có hiểu biết về giới, bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới. Đây là bước đầu tiên và quan trọng

nhất để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, thay đổi tư duy và cách thức tiếp cận công bằng và hiệu quả trong công tác hướng nghiệp; đồng thời tăng cường được cam kết của lãnh đạo về lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp. Lồng ghép giới trong công tác bồi dưỡng chuyên môn hướng nghiệp cần đạt được các yêu cầu sau:

- + Cấp quản lý có kế hoạch dài hạn về đào tạo, tập huấn về bình đẳng giới và lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho cán bộ, giáo viên;
- + Cán bộ lãnh đạo chủ chốt có cam kết thực hiện lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp và thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới;
- + Thiết kế các mục tiêu về bình đẳng giới và phân bổ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đó;
- + Hướng dẫn, trợ giúp cán bộ, giáo viên áp dụng những kiến thức và kỹ năng lồng ghép giới trong hoạt động hướng nghiệp và trong công việc hàng ngày;
- + Theo dõi và khuyến khích để đảm bảo đạt mục tiêu về bình đẳng giới;
- + Theo dõi, đánh giá và phổ biến kinh nghiệm lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp.

3.2. Định hướng lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp của cán bộ, giáo viên

Để giúp học sinh đạt được **ba năng lực hướng nghiệp có nhạy cảm giới** nêu trên thì cán bộ, giáo viên cũng cần có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới. Các yêu cầu cần đạt được như sau:

- Cán bộ, giáo viên có hiểu biết về giới để thấy được tầm quan trọng của bối cảnh văn hóa giới trong trường học/lớp học có tác động đến hiệu quả của các chương trình hướng nghiệp đang thực hiện;
- Xác định rõ vai trò và trách nhiệm quan trọng của bản thân trong công tác hướng nghiệp. Như vậy, cán bộ và giáo viên phải thường xuyên kiểm tra, xem xét và phân tích yếu tố giới trong công việc chuyên môn hàng ngày, cũng như trong các hoạt động hướng nghiệp để hỗ trợ học sinh hiểu được sự ảnh hưởng của định kiến giới, phân biệt đối xử về giới trong lựa chọn ngành nghề. Ví dụ, phân tích sự mong đợi của cha mẹ học sinh đối với học sinh nam và học sinh nữ ở địa phương có ảnh hưởng gì tới việc hướng học, hướng nghiệp, chọn nghề của các em theo “rẽ cây nghề nghiệp”;
- Đặt công tác hướng nghiệp của nhà trường trong bối cảnh xã hội (xem hình 2)

để thấy được hết các rào cản khách quan và chủ quan về giới đang hàng ngày tác động tới năng lực hướng nghiệp của nam, nữ học sinh;

- Nhạy cảm giới khi sử dụng các lý thuyết hướng nghiệp, tìm kiếm các thông tin hướng nghiệp;
- Có trách nhiệm giới khi tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng nghiệp trong cung cấp thông tin hướng nghiệp, sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, thể hiện thái độ ứng xử, hành vi quan tâm, phân vai trong tiểu phẩm, thể hiện câu chuyện tình huống, bài tập thực hành mà không có định kiến giới và phân biệt đối xử về giới;
- Xây dựng và tích cực tham gia mạng lưới chuyên nghiệp³¹. Mạng lưới chuyên nghiệp cần có sự tham gia của cả nam và nữ trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, chú ý sự đại diện của các thành viên từ các nghề phi truyền thống về giới.

3.3. Định hướng lồng ghép giới trong việc hỗ trợ hướng nghiệp của cha mẹ học sinh

Hướng nghiệp của học sinh chịu tác động từ nhiều phía, từ gia đình, nhà trường, bạn bè, thể chế xã hội, văn hóa, tôn giáo, các phương tiện truyền thông... Trong đó, gia đình đóng vai trò cực kì quan trọng, tác động trực tiếp lên việc xây dựng kế hoạch nghề nghiệp hay nói cách khác đến hiệu quả của công tác hướng nghiệp. Phân công lao động và ra quyết định trong nhiều gia đình còn mang nặng định kiến giới và khuôn mẫu giới, điều này ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển năng lực hướng nghiệp của con em. Chẳng hạn, phần lớn ở các gia đình, công việc nội trợ, chăm sóc con cái thường do người mẹ đảm nhận; bố phải lo kiếm tiền, trụ cột gia đình. Con trai thường được dạy làm các công việc như bồng bả, gánh nước, đi cày, sửa chữa đồ điện, Con gái thường được dạy làm các việc như nấu cơm, giặt giũ, chăm sóc em, đi cấy, thủ công, mỹ nghệ, Tỷ lệ con gái phải nghỉ học để lao động sớm và giúp bố mẹ việc nhà nhiều hơn con trai.

Như vậy, để học sinh nam, nữ có được sự hỗ trợ và ủng hộ của cha mẹ trong việc định hướng nghề nghiệp thì cả **cha và mẹ học sinh** cần:

- Được tập huấn và tuyên truyền để hiểu các lý thuyết hướng nghiệp có nhạy cảm giới;
- Được hướng dẫn các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho con;
- Được hướng dẫn để giúp con tìm hiểu sở thích, khả năng như sử dụng trắc

³¹ Mạng lưới chuyên nghiệp là những người cùng làm về hướng nghiệp, ủng hộ, tạo điều kiện cho công tác hướng nghiệp và cung cấp thông tin có liên quan tới công tác hướng nghiệp.

nghiệm mật mã Holland, ủng hộ và khuyến khích con học tập và tham gia các hoạt động ngoại khoá, giúp đỡ gia đình và tham gia hoạt động xã hội ở cộng đồng để có cơ hội sử dụng, rèn luyện và bộc lộ những khả năng sẵn có;

- Chủ động tìm hiểu thông tin về cơ sở đào tạo và xu hướng, nhu cầu tuyển dụng qua đài báo, bạn bè, người thân, báo chí, thông tin tuyển sinh, các trang mạng tuyển dụng việc làm; ...
- Tích cực giúp con có trải nghiệm về nghề nghiệp tương lai theo năng lực, sở trường thông qua tham quan cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, thực tập nghề nghiệp, hoặc trò chuyện với những người trong nghề để có thông tin đa chiều, thực tế;
- Hỗ trợ con lập kế hoạch cụ thể để đạt mục tiêu nghề nghiệp.

Giúp con hướng nghiệp là một công việc lâu dài gắn liền với quá trình học tập và lớn lên của con; vì thế, rất cần sự tương tác chặt chẽ và hỗ trợ kịp thời của cha mẹ. Công tác hướng nghiệp sẽ có hiệu quả nếu cha mẹ:

- + Cần tránh phân công lao động trong gia đình theo định kiến giới và khuôn mẫu giới và đối xử với con trai, con gái theo tư tưởng “trọng nam khinh nữ”;
- + Ủng hộ và khuyến khích con trai và con gái mạnh dạn lựa chọn ngành, nghề phù hợp với sở thích, khả năng và cá tính của con, cho dù đó là ngành/ngề phi truyền thống về giới. Giúp con em trả lời được câu hỏi “mình có sở thích và khả năng để theo học ngành này hay làm tốt nghề này hay không?”;
- + Xem xét bối cảnh nghề nghiệp trong môi trường rộng lớn, toàn cầu hóa (xem hình 2) để thấy được hết các rào cản của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới đang hàng ngày tác động tới năng lực hướng nghiệp của con, em mình.

PHIẾU HỌC TẬP PHẦN II

PHIẾU HỌC TẬP 2.1.

Giới và sự chuyển tiếp từ hướng nghiệp tới việc làm và nghề nghiệp

Câu chuyện tình huống 2.1:

Hà năm nay 19 tuổi, còn Dũng 21 tuổi, họ yêu nhau đã gần hai năm nay. Hà vừa học xong trung học phổ thông. Cô nói sẽ đi làm và tìm một công việc nhẹ nhàng như nhân viên bán hàng, vì cô không có khả năng theo học đại học. Còn Dũng đã làm thợ cơ khí hai năm nay và không quan tâm đến việc đào tạo thêm về công nghệ mới, dù anh hi vọng ngày nào đó sẽ khởi nghiệp kinh doanh riêng.

Cả hai bà mẹ của Hà và Dũng đều ở nhà nội trợ và cha của họ đều là những người trụ cột, lao động kiếm tiền chính trong gia đình. Hà và Dũng dự định sẽ kết hôn sau vài năm nữa. Ý định của Dũng sau khi kết hôn là để Hà thôi làm việc và ở nhà dành thời gian nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình. Hà cũng nói rằng đồng ý ở nhà ngay khi cô ấy có thai. Họ cho rằng điều đó là hợp lý vì thu nhập từ việc làm của Dũng đủ để nuôi sống cả gia đình họ; vì thế, Hà không việc gì phải vất vả kiếm việc làm sau khi đã trở thành mẹ. Hà và Dũng chưa bao giờ nghe nói đến từ *giới*, bởi vậy họ chẳng có ý niệm gì về ý nghĩa của nó cả.

Bằng kiến thức hiểu biết về giới, anh/chị hãy phân tích kiểu phân công lao động truyền thống theo quan niệm của Hà và Dũng như vậy có ý nghĩa gì đối với hiệu quả phát triển nghề nghiệp và sự phát triển của xã hội trong thời đại ngày nay?

PHIẾU HỌC TẬP 2.2.***Sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh,... trung tính về giới trong hướng nghiệp*****Câu chuyện tình huống 2.2:**

Mấy năm nữa là Phương sẽ 23 tuổi, Phương vừa thi đỗ vào ngành khoa học công nghệ tại đại học Bách khoa. Vào đại học luôn là mục tiêu và ước mơ mà Phương theo đuổi trong suốt những năm tháng học phổ thông, vì thế em đã rất chăm chỉ học hành để có thể đạt được ước mơ đó. Kết hôn cũng là một mục tiêu đầy triển vọng tiếp theo của Phương vì Phương đã có một mối tình kéo dài được hai năm nay. Phương cũng có ý định tìm việc làm thêm trong thời sinh viên để chi trả các chi phí ăn, ở, học tập và chiếc xe máy bố mẹ vay tiền ngân hàng để mua cho Phương có phương tiện đi lại.

Phương cũng đặt mục tiêu sau khi ra trường sẽ kết hôn và có con; vì thế, Phương rất muốn sở hữu một căn nhà cùng người bạn đời tương lai của mình. Rèn luyện thể chất cũng là một trong số những hứng thú khác của Phương, Phương luôn lên kế hoạch để gặp gỡ bạn bè và cùng tập luyện thể chất thường ngày. Ngoài ra, Phương cũng có ý định dành ít nhất một buổi tối trong tuần để giao lưu với các nhóm bạn khác, vì điều đó đem lại nhiều lợi ích cho mối quan hệ xã hội của Phương.

Phương cũng cho rằng chất lượng nuôi dạy con cái là rất quan trọng và tin vào sự tham gia nuôi dạy con một cách bình đẳng, bởi khi đó cả cha và mẹ đều có ảnh hưởng tích cực tới quá trình xã hội hóa con cái.

Mặt khác, Phương cũng cho rằng độc lập về tài chính là một yêu cầu bắt buộc để có một mối quan hệ bình đẳng thật sự của một cặp vợ chồng. Sự tôn trọng lẫn nhau có giá trị đối với hạnh phúc gia đình hơn nhiều là tính nghĩa vụ và dựa trên sự phụ thuộc của vợ hoặc chồng. Phương cũng cho rằng việc nhà hoàn toàn rất dễ dàng học hỏi và chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình, chứ không phải liệt kê một danh sách những việc phải làm và chỉ gán cho một giới tính nào đó.

Phương là ai? Đây là một cô gái hay chàng trai? Đó có phải là vấn đề không? Có gì khác biệt trong câu chuyện nêu trên không nếu chúng ta biết về giới tính của một người? Quan điểm trung tính về giới trong hướng nghiệp như thế này liệu có đe dọa gì tới sự phát triển bền vững của xã hội không?

PHẦN III

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

01



DANH MỤC

CÁC KHÁI NIỆM GIỚI CÓ LIÊN QUAN

TT	Khái niệm	Nội dung
1	<i>Phân biệt đối xử với phụ nữ</i>	”Là bất kì sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế dựa trên cơ sở giới tính có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ được công nhận, hưởng thụ hay thực hiện một cách bình đẳng các quyền con người và những quyền tự do cơ bản trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và các lĩnh vực khác, bất kể tình trạng hôn nhân của họ” ³²
2	<i>Bất bình đẳng giới</i>	Là những khác biệt giữa nam và nữ trong tiếp cận nguồn lực, tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển trong xã hội và gia đình dựa duy nhất trên cơ sở giới tính (do họ là nam hoặc nữ) ³³
3	<i>Vấn đề giới</i>	Chỉ sự bất bình đẳng giới trong một lĩnh vực cụ thể. Vấn đề giới bao gồm sự khác biệt hoặc khoảng cách gây bất bình đẳng giữa hai giới ³⁴ . Ví dụ: Tỷ lệ trẻ em gái bỏ học ở trung học phổ thông nhiều hơn trẻ em trai, trẻ em trai bị bạo lực học đường nhiều hơn trẻ em gái.

32 Công ước CEDAW, Điều 1.

33&34 Bộ LĐ, TB và XH – UN Women. Tài liệu Hướng dẫn lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, 2014.

4	<i>Nhu cầu giới</i>	Là mong muốn, mối quan tâm của nam và nữ. Nhu cầu giới được chia thành hai loại: ▪ <i>Nhu cầu giới thực tế</i>: Là nhu cầu cụ thể, tức thời và thiết yếu của nam, nữ khi được đáp ứng sẽ giúp họ hiện tốt hơn các vai trò, nhiệm vụ hàng ngày. Ví dụ: nước sạch, thực phẩm, công cụ lao động, việc làm.... ▪ <i>Nhu cầu giới chiến lược</i>: Là nhu cầu dài hạn của nam, nữ mà khi được đáp ứng sẽ giúp cải thiện/thay đổi vai trò, địa vị và quan hệ quyền lực giữa nữ và nam theo hướng bình đẳng trong các quan hệ xã hội. Ví dụ: thay đổi định kiến giới gây bất lợi cho nam hoặc nữ, đào tạo nâng cao năng lực hoặc thúc đẩy quyền tham gia chính trị của phụ nữ,....
5	<i>Cân bằng giới</i>	Là sự tham gia hoặc hiện diện đồng đều (về số lượng) của nam và nữ vào một hoạt động hay lĩnh vực cụ thể. Ví dụ: tỉ lệ giáo viên nữ/nam trong nhà trường, tỷ lệ học sinh nữ/học sinh nam tham gia học nghề điện. Tỉ lệ nữ/nam ở vị trí hiệu trưởng trung học phổ thông,...v.v. Bất cân bằng về giới nghĩa là một giới (nam hoặc nữ) không được tham gia hay hiện diện. Nhiều nghiên cứu cho thấy, một quyết định hay chính sách đáp ứng nhu cầu giới, cân sự hiện diện mang tính đại diện của mỗi giới với tỷ lệ 40/60 là hợp lý.
6	<i>Phân tích giới</i>	Là việc tìm hiểu về thực trạng, mối tương quan giữa nam và nữ, nhu cầu và ưu tiên của họ trong một lĩnh vực cụ thể. Phân tích giới là một phần quan trọng của phân tích chính sách³⁵, nhằm xem xét các chính sách đó tác động như thế nào đến nam và nữ³⁶. Phân tích giới chỉ rõ nam và nữ ai đang làm gì, họ tiếp cận và thụ hưởng chính sách ra sao với các câu hỏi cụ thể: + Ai (nam, nữ) làm gì? + Ai (nam, nữ) có nguồn lực nào? + Ai (nam, nữ) là người ra quyết định? + Những yếu tố nào (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và pháp luật,...) ảnh hưởng đến việc tiếp cận nguồn lực và thụ hưởng chính sách của nam và nữ?

35 Chính sách ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm luật pháp, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, cơ chế, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, ... do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7	<i>Số liệu hay thông tin tách biệt theo giới tính</i>	Là những con số và thông tin về nam và nữ cho phép so sánh giữa hai giới trong một vấn đề hay lĩnh vực cụ thể ³⁷ . Ví dụ: Số học sinh nam đăng ký học công nghệ nhiều hơn học sinh nữ.
8	<i>Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới</i>	Là biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy tiềm năng và thụ hưởng thành quả của phát triển mà việc áp dụng những quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới³⁸. Một số biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới³⁹: + Quy định tỉ lệ nam, nữ hoặc đảm bảo tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng; + Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực cho nữ hoặc nam; + Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nam hoặc nữ; + Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam; + Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện tiêu chuẩn như nam;

36&37 Bộ LĐ, TB và XH – UN Women. Tài liệu Hướng dẫn lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, 2014.

38 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật bình đẳng giới, 2006. Điều 5, khoản 6 và Điều 4, Khoản 5, mục a.

39 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật bình đẳng giới, 2006. Điều 19.

PHỤ LỤC

02



CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CHÍNH

QUY ĐỊNH VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI, LỒNG GHÉP GIỚI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI:

Các quyền bình đẳng về giáo dục, đào tạo và hướng nghiệp được quy định tại Điều 14 và Điều 18 của Luật bình đẳng giới, cụ thể⁴⁰:

- Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
- Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,
- Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm: Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo và lao động nữ ở nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.
- Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển toàn diện.

40 Quốc hội nước CHXHCNVN. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 14, Khoản 1, 2, 3, 5 và Điều 18, Khoản 4.

Trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới và lồng ghép giới trong nhà trường cũng được quy định cụ thể trong Điều 23 của Luật bình đẳng giới⁴¹:

- Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới được đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường, trong các hoạt động của cơ quan, tổ chức và cộng đồng
- Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới thông qua các chương trình học tập, các ấn phẩm,



CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011 – 2020:

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Một số giải pháp trong nhóm các giải pháp để thực hiện mục tiêu 3:

- Đưa nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là ở cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học....
- Rà soát để xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong hệ thống sách giáo khoa hiện nay.
- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành giáo dục;



LUẬT GIÁO DỤC VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2011 - 2020:

- Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập⁴².
- Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục, tăng cơ hội học tập và cơ hội nhận được một nền giáo dục có chất lượng cho trẻ em nghèo, trẻ em gái,⁴³

41 Quốc hội nước CHXHCNVN. Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 23, Khoản 2,3.

42 Luật Giáo dục, Điều 10. NXB Chính trị quốc gia 2007.

43 Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 – 2020 của Việt Nam.



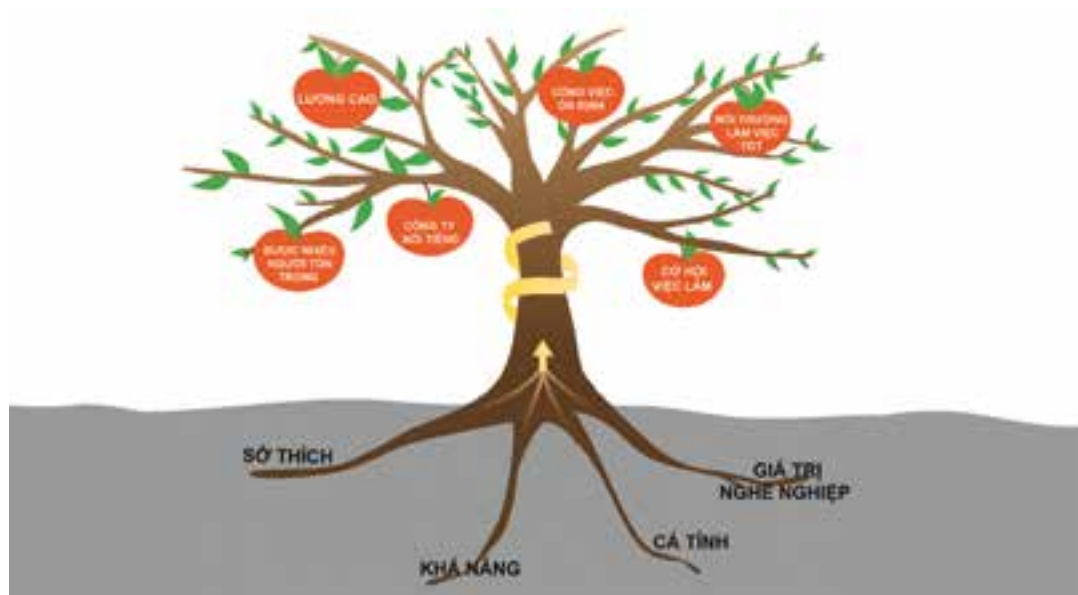
NGHỊ ĐỊNH SỐ 48//2009/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 2009 VỀ CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG GIỚI QUY ĐỊNH:

Hình thức giáo dục về giới và bình đẳng giới ⁴⁴:

- Đưa nội dung về giới và bình đẳng giới vào các chương trình giáo dục trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, ... phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo;
- Lồng ghép nội dung về giới, bình đẳng giới trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp;

⁴⁴ Nghị định số 48//2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới, Điều 5, Khoản 2.

PHỤ LỤC

03 ► MỘT SỐ NỘI DUNG
VỀ HƯỚNG NGHIỆP1. MÔ HÌNH LÝ THUYẾT CÂY NGHỀ NGHIỆP⁴⁵

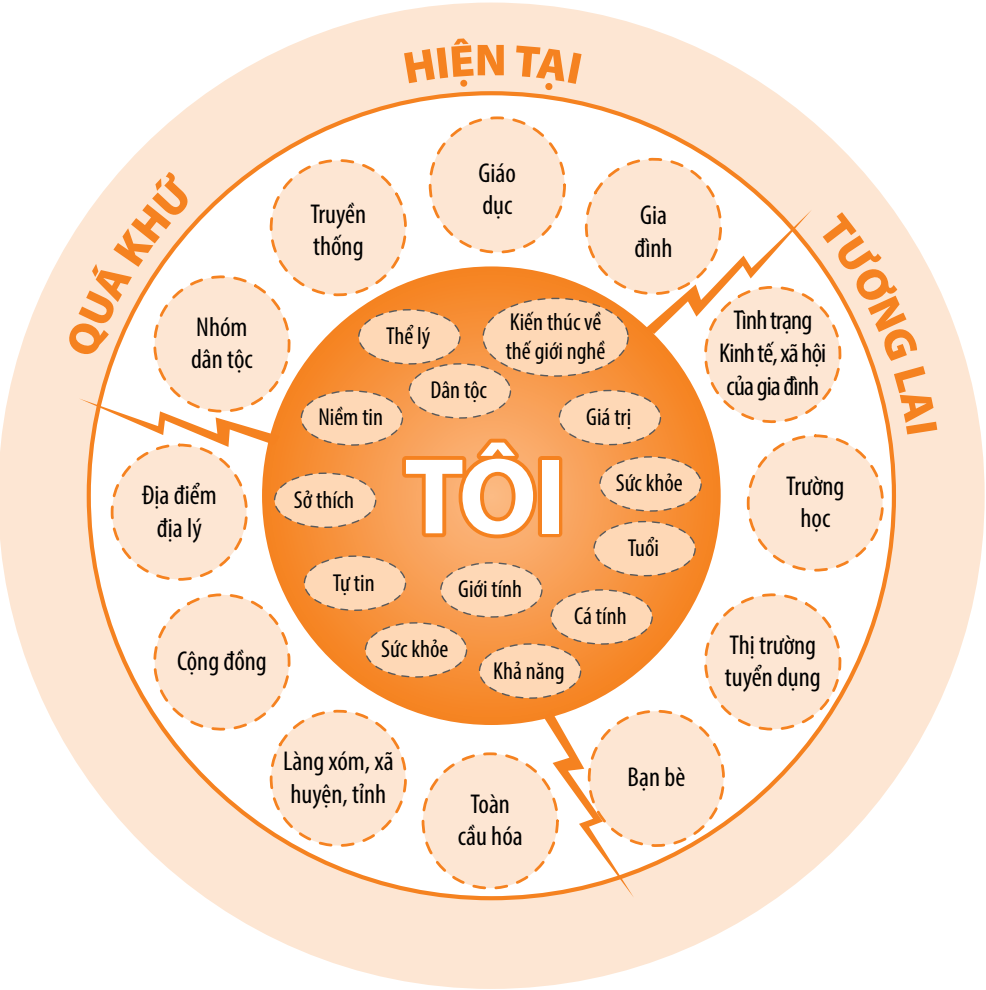
Hình 3. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp

Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp được lập ra để giải thích vai trò quan trọng của mối tương quan chặt chẽ giữa sở thích, khả năng nghề nghiệp của một người với khả năng tuyển dụng đối với họ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo. Sở thích nghề nghiệp, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp là những yếu tố cơ bản, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự thành đạt trong nghề nghiệp của mỗi người (nam hay nữ). Vì vậy, nó được coi là “gốc rễ” của “cây nghề nghiệp” và buộc mỗi người phải có năng lực nhận thức bản thân để hiểu rõ về nó trước khi chọn nghề. Nói cách khác, khi chọn bất cứ một ngành, nghề nào, mỗi người đều phải **dựa vào sở thích nghề nghiệp, khả năng**

⁴⁵ Tài liệu tham khảo: Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9 – VVOB Việt Nam, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia, 2012.

thực có, cá tính và giá trị nghề nghiệp⁴⁶ của bản thân mình, tức là dựa vào “rễ” của “cây nghề nghiệp”. Nếu một người (nam hay nữ) quyết tâm theo học ngành, nghề phù hợp với “rễ” thì sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ có nền tảng vững chắc để thu được những “quả ngọt” trong nghề nghiệp, như cơ hội tìm kiếm việc làm cao; dễ dàng được tuyển dụng vào vị trí thích hợp; tìm được môi trường làm việc tốt; lương cao; được nhiều người tôn trọng...

2. MÔ HÌNH LÝ THUYẾT HỆ THỐNG



Hình 4. Mô hình lý thuyết hệ thống

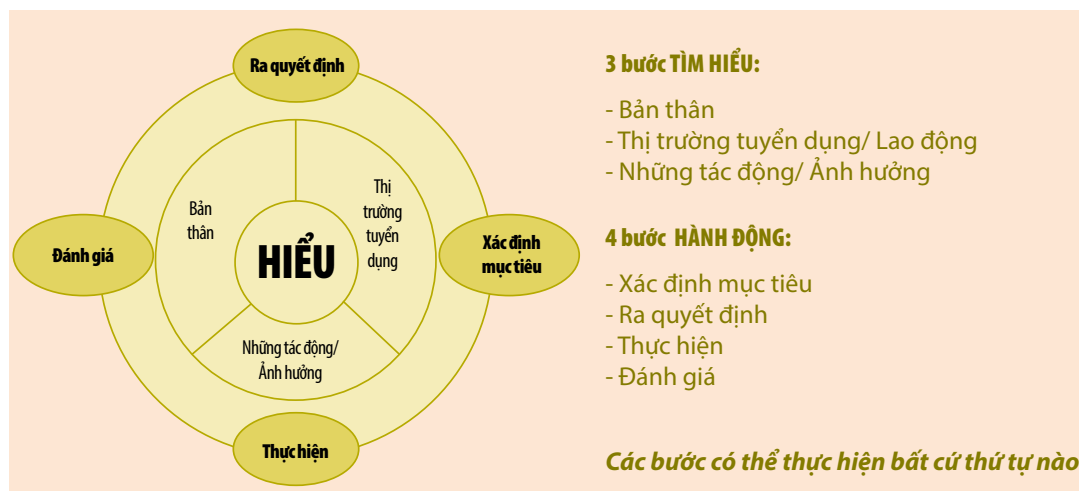
⁴⁶ Giá trị nói đến trong hướng nghiệp là giá trị nghề nghiệp. Giá trị nghề nghiệp là những điều được coi là quý giá, là quan trọng, có ý nghĩa nhất mà mỗi người mong muốn đạt được khi tham gia lao động nghề nghiệp. Ví dụ: được nhiều người tôn trọng; được làm việc trong môi trường có cơ hội để phát huy cao độ khả năng của bản thân; hoặc có thu nhập cao; hoặc có cơ hội thăng tiến v.v... tùy theo mong muốn của mỗi người.

Lí thuyết này được nghiên cứu vào năm 2002 và trong mười năm sau đó tiếp tục được nghiên cứu, phát triển bởi tác giả là TS. Mary McMahon và GS. Wendy Paton⁴⁷. Mô hình này được đưa ra dựa trên quan điểm: Quá trình phát triển nghề nghiệp được tạo ra bởi mỗi người và sự tương tác của người ấy với môi trường xã hội, hoàn cảnh kinh tế cùng nhiều yếu tố khác mà người ấy gặp trong cuộc sống.

Lí thuyết hệ thống nhấn mạnh rằng, mỗi người không sống riêng lẻ một mình. Mỗi con người là một hệ thống nhỏ đang sống trong một hệ thống lớn hơn. Sự phát triển nghề nghiệp của mỗi người là một quá trình và là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố bên trong như giới tính, cá tính, tuổi tác của một người với những yếu tố bên ngoài như gia đình, bạn bè, cộng đồng, quốc gia, hoàn cảnh kinh tế xã hội, hệ thống giáo dục, quan niệm về giới và nhiều yếu tố khác nữa.

Nói cách khác, hãy tưởng tượng mỗi người chúng ta là một hệ thống nhỏ, tương tác với các hệ thống nhỏ khác (những người khác), ở trong một hệ thống lớn hơn (xã hội, môi trường). Các đường đứt quãng (---) trong mô hình trên tượng trưng cho sự ảnh hưởng lẫn nhau, thay đổi nhau trong quá trình tương tác giữa các hệ thống nhỏ và lớn. Các “tia sét” tượng trưng cho những tác động ngẫu nhiên trong cuộc sống mà không ai có thể điều khiển được (như tai nạn, bệnh tật...).

3. MÔ HÌNH LẬP KẾ HOẠCH NGHỀ ⁴⁸



Hình 5. Mô hình lập kế hoạch nghề

47 Patton, W. & McMahon, M. (2006). The System Theory Framework of Career Development And Counseling: Connecting Theory And Practice. *International Journal for the Advancement of Counselling*, 28(2):pp 153-166.

48 Là việc làm lao động trí óc hoặc chân tay hoặc kết hợp cả lao động trí óc và chân tay. Người lao động sử dụng kiến thức, kĩ năng chuyên môn và kinh nghiệm của mình để thực hiện công việc tạo ra sản phẩm vật chất hoặc tinh thần và thu nhập cho bản thân, gia đình mà không bị pháp luật cấm.

Col và Alpine dùng mô hình này để tập hợp hai nhóm **Lí thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề** và **Lí thuyết học tập** để giúp người đọc dễ dàng nhớ các bước cần làm trong phát triển nghề nghiệp. Có thể nói, **mô hình lập kế hoạch** nghề là lí thuyết căn bản trong hướng nghiệp.

Mô hình lập kế hoạch nghề gồm 7 bước và được chia làm 2 phần:

1. Tìm hiểu
2. Hành động.

Ba bước tìm hiểu, bao gồm:

- 1/ Bước đầu tiên và quan trọng nhất là học sinh tìm hiểu bản thân để biết được *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của chính mình;
- 2/ Bước thứ hai là học sinh bắt đầu tìm hiểu thị trường tuyển dụng để biết được những công việc nào đang có ở địa phương, quốc gia và quốc tế; những nghề nghiệp nào đang được xem là có tiềm năng trong tương lai; những *kĩ năng thiết yếu* mà người lao động (nam và nữ) cần phải có;
- 3/ Bước thứ ba là hiểu rõ những tác động hoặc ảnh hưởng mà bản thân nam, nữ học sinh đang chịu, từ hoàn cảnh gia đình đến điều kiện kinh tế - xã hội.

Sau khi hoàn tất ba bước tìm hiểu, học sinh có đủ kiến thức để bắt đầu **4 bước hành động**, đó là:

1. Xác định mục tiêu nghề nghiệp của mình;
2. Ra quyết định nghề nghiệp;
3. Thực hiện quyết định nghề nghiệp;
4. Đánh giá xem quyết định ấy có thực sự phù hợp với bản thân hay không.

Tất cả 7 bước trên có thể được hiện theo bất cứ trình tự nào, miễn sao phù hợp với nhu cầu của mỗi học sinh.

4. MẪU BẢN KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP

1. Họ và tên: ☐ Nam ☐ Nữ

2. Ngày sinh:

3. Nơi ở hiện nay:

4. Lớp: Trường:

Em là ai?	Em đang ở đâu?	Làm cách nào để đi được đến nơi em muốn đến?
Dựa vào kết quả tìm hiểu khả năng và sở thích bản thân ở chuyên đề 1, hãy ghi lại: - Sở thích của em - Khả năng của em. Ghi rõ em có những điểm mạnh nào, điểm yếu nào? - Hoàn cảnh gia đình hiện tại có những thuận lợi hoặc khó khăn nào cho việc thực hiện kế hoạch theo đuổi nghề em dự định chọn;	Dựa vào kết quả tìm hiểu nghề nghiệp ở chuyên đề 2, hãy ghi lại: - Nghề em dự định chọn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (có thể ghi 1 hoặc 2 hoặc 3 nghề tùy thích); - Những yêu cầu, đòi hỏi của nghề đối với người lao động; - Thị trường tuyển dụng lao động của nghề mà em dự định chọn; - Cơ sở đào tạo nghề mà em dự định học; - Yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo nghề.	- Kế hoạch học tập: - Kế hoạch tiếp tục tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề, tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng lao động - Kế hoạch rèn luyện những kĩ năng thiết yếu - Kế hoạch rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân - Kế hoạch rèn luyện sức khỏe

PHỤ LỤC

04

▶ **MỘT SỐ YẾU TỐ GIỚI**
ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC
HƯỚNG NGHIỆP***Các yếu tố giới nảy sinh trong quá trình học tập ảnh hưởng đến xây dựng năng lực hướng nghiệp của nam, nữ học sinh***

Học sinh nữ thường ít phát biểu kiến xây dựng bài do tự ti, rụt rè, e ngại. Khi tranh luận hoặc phát biểu xây dựng bài, học sinh nam thường áp đảo ý kiến của học sinh nữ.

Ở cấp trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh nam làm lớp trưởng và lớp phó học tập nhiều hơn so với học sinh nữ. Ngược lại, tỷ lệ học sinh nữ làm lớp phó văn nghệ/quản ca nhiều hơn học sinh nam.

Tỷ lệ học sinh nữ hoàn thành các bài tập về nhà thấp hơn học sinh nam vì thiếu thời gian và cơ hội tiếp cận các điều kiện học tập.

Điểm số của học sinh nam tăng dần theo cấp/năm học. Điểm số của học sinh nữ giảm dần theo cấp/năm học.

Nội dung hướng nghiệp, dạy nghề của nhà trường thường được định hướng cho học sinh nam học nghề mộc, hàn... và định hướng cho học sinh nữ học những nghề như nấu ăn, thêu thùa, may mặc.

Các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa còn mang nặng định kiến rập khuôn về giới. Ví dụ, hình ảnh minh họa về bác sĩ, kỹ sư, phi công, công an, bộ đội thường được dùng để mô tả nam/con trai; còn hình ảnh y tá, giáo viên, dược sĩ, lao công, rửa bát, quét nhà, cấy ghép...thường dùng để mô tả nữ/con gái.

Các câu chuyện thành công về nghề nghiệp trong sách giáo khoa thường mô tả nam giới là người rất thành công trong nghề nghiệp, được thăng chức, tăng lương nhanh, thu nhập cao, ... mà không hề thấy những câu chuyện thành công như thế đối với nữ. Ngược lại, phụ nữ được mô tả thiếu động lực, ít đam mê hứng thú làm việc, thành công nghề nghiệp thường ở mức thấp.

Con trai được khích lệ và tạo điều kiện học tốt các môn tự nhiên, con gái thường được khích lệ và tạo điều kiện học tốt các môn xã hội.

Con trai thường được ưu tiên học lên cao. Tỷ lệ bỏ học của trẻ em gái cao hơn trẻ em trai. Tỷ lệ học sinh nữ học lên cao thấp hơn tỷ lệ học sinh nam.

Học sinh nữ có thể được tham gia nhiều hơn vào các cuộc thi viết chữ đẹp. học sinh nam được tham gia nhiều hơn vào các cuộc thi đấu thể thao.

Tỷ lệ học sinh nam được lựa chọn tham gia cuộc thi học sinh giỏi các môn tự nhiên (Toán. Lý, Hóa, Công nghệ) nhiều hơn học sinh nữ.

Các yếu tố giới nảy sinh trong các hoạt động ngoại khóa, lao động, vui chơi ảnh hưởng đến hướng nghiệp đối với nam, nữ học sinh

Học sinh nam thường chiếm giữ sân chơi nhiều hơn học sinh nữ vì trò chơi của học sinh nam mang tính động hơn. Nhà trường cũng chưa chú ý tổ chức các trò chơi khuyến khích cả học sinh nam và học sinh nữ chơi chung.

Còn có khuôn mẫu giới trong hoạt động vui chơi của học sinh. Ví dụ, trong giờ ra chơi học sinh nam thường chỉ chơi đá bóng, đá cầu, đuổi bắt, đánh trận giả; học sinh nữ thường chơi nhảy dây, chơi ô ăn quan,...)

Cả học sinh nam và học sinh nữ chưa được khuyến khích tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động ngoại khóa, vui chơi mang tính chất hướng nghiệp của nhà trường; đặc biệt là sự tham gia của học sinh nữ.

Trong lớp học, công việc trực nhật thường được coi là nhiệm vụ của học sinh nữ. học sinh nam ít được phân công và cũng ngại tham gia các hoạt động trực nhật ở lớp.

Trong lao động công ích của nhà trường có thể có sự phân biệt trong phân công lao động cho học sinh như học sinh nam thường được phân công trồng cây, cuốc đất, đào hố, ... và học sinh nữ thường được phân công nhổ cỏ, quét sân, dọn sạch nhà vệ sinh, ...

Giáo viên chưa chú ý khuyến khích sự tham gia chung của cả học sinh nam và học sinh nữ vào các hoạt động Đoàn - Đội và hoạt động vui chơi, giải trí mang tính chất hướng nghiệp phi truyền thống về giới như đá bóng, đá cầu, nhảy dây,... hoặc luân phiên tham gia Ban chấp hành Đoàn, Ban chỉ huy Liên đội, chi đội, ..

Nhóm học sinh nam có xu hướng bạo lực và bị bạo lực học đường cao hơn học sinh nữ. Nguy cơ bị xâm hại tình dục học đường và ở nơi công cộng của học sinh nữ cao hơn học sinh nam.

Nhóm học sinh nữ có nguy cơ đuối nước cao hơn học sinh nam; còn nguy cơ tai nạn giao thông và tai nạn do chơi trò chơi cảm giác mạnh đối với học sinh nam cao hơn nhóm học sinh nữ.

PHỤ LỤC

05



ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP

ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP PHẦN I

PHIẾU HỌC TẬP 1.1

Những đặc điểm/nhận định nào dưới đây liên quan đến khái niệm giới tính hoặc giới hoặc cả giới tính và giới? (Hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)

Các đặc điểm/ nhận định	Giới tính	Giới	Cả giới tính và giới	Giải thích
1. Nam giới có nội tiết tố testosterone; mạnh mẽ và quyết đoán.			x	▪ Nội tiết tố testosterone là đặc điểm giới tính. ▪ Mạnh mẽ và quyết đoán thuộc về đặc điểm giới vì do học và rèn luyện.
2. Trẻ em trai thường không chọn đồ chơi là búp bê.		x		▪ Không chọn đồ chơi búp bê là do các em trong quá trình phát triển hình thành thói quen này chứ không phải sinh ra đã có. Không phải tất cả trẻ em trai đều không thích đồ chơi là búp bê.
3. Con gái đến tuổi dậy thì có kinh hàng tháng và thường phải rửa bát, trông em bé.			x	▪ Có kinh hàng tháng là đặc điểm giới tính. ▪ Rửa bát, trông em bé là do sự phân công lao động trong mỗi gia đình chứ không phải mọi bé gái thường phải rửa bát, trông em và sinh ra đã có gen làm việc này.

4. Hầu hết hiệu trưởng trường trung học phổ thông là nam giới.		x		▪ <i>Hầu hết hiệu trưởng trường trung học phổ thông là nam giới</i> do từ xa xưa, quan niệm nam giới là làm lãnh đạo và khả năng làm lãnh đạo là do đào tạo và rèn luyện.
5. Phụ nữ có nội tiết tố estrogen, thích làm đẹp.			x	▪ <i>Nội tiết tố estrogen là đặc điểm giới tính.</i> ▪ <i>Phụ nữ thích làm đẹp là đặc điểm giới</i> do quan niệm xã hội và ý thức được vai trò của mình. Tuy nhiên, không chỉ nữ giới mà cả nam giới cũng thích làm đẹp.
6. Con trai thích đá bóng, con gái thích nhảy dây.		x		▪ <i>Sở thích này được hình thành trong quá trình phát triển của trẻ em trai, trẻ em gái.</i> Không phải mọi trẻ em trai đều thích đá bóng hay mọi trẻ em gái đều thích nhảy dây.
7. Trẻ em trai thường vỡ giọng ở tuổi dậy thì.	x			
8. Mọi nam giới đều có cơ bắp to và khỏe mạnh.			x	▪ <i>Cơ bắp của nam thường có cấu trúc to và khỏe</i> đây là đặc điểm giới tính, nhưng quan niệm rằng “Tất cả nam giới đều có cơ bắp to và khỏe mạnh” thuộc về đặc điểm giới.

9. Nữ giới không có râu, dịu dàng và rụt rè.			x	▪ <i>Nữ giới không có râu</i> là đặc điểm giới tính. ▪ <i>Nữ giới dịu dàng và rụt rè</i> là đặc điểm giới vì do quá trình phát triển, dạy và học mà có. Đặc điểm này không đồng nhất ở mọi phụ nữ trên toàn thế giới.
10. Hầu hết phi công đều là nam giới. Phần lớn y tá, điều dưỡng viên là nữ.			x	▪ Vì không phải tất cả nam giới đều làm phi công và tất cả nữ giới là y tá, điều dưỡng và không phải từ khi nam/nữ giới sinh ra đã quy định như vậy. Đã có nữ giới làm phi công và điều dưỡng, y tá là nam giới.

PHIẾU HỌC TẬP 1.2

**Những quan điểm/nhận định nào dưới đây là định kiến giới
hoặc phân biệt đối xử về giới?
(hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)**

Các quan điểm/nhận định	Định kiến giới	Phân biệt đối xử về giới	Giải thích
1. Con trai không nên khóc lóc, con gái không nên chủ động hẹn hò với bạn trai.	x		Đây là định kiến về những điều nên làm hay không nên làm của nam và nữ, dựa trên quan niệm “đàn ông khóc là hèn”, “con gái chủ động hẹn hò là gái không ngoan”.
2. Học sinh nam thường được chọn vào đội tuyển thi học sinh giỏi nghề nhiều hơn học sinh nữ.		x	Đây là sự đối xử không công bằng đối với học sinh nữ, dựa trên quan niệm cho rằng học sinh nam học giỏi các nghề kỹ thuật hơn học sinh nữ.
3. Con gái không nên làm các công việc thăm dò địa chất, kỹ sư cầu đường.	x		Đây là định kiến giới về nghề nghiệp, dựa trên quan niệm rằng con gái không phù hợp với công việc nặng nhọc, vất vả hay công việc mang tính kỹ thuật, phức tạp.
4. Đàn ông phải là người trụ cột kiếm tiền, nuôi sống gia đình.	x		Đây là định kiến về vai trò, trách nhiệm đối với nam giới, dựa trên niềm tin cho rằng nam giới là người quan trọng nhất trong gia đình.
5. Con gái không nên chơi đá bóng vì không nữ tính.	x		Đây là định kiến về tính cách và khả năng của nữ giới dựa trên quan niệm cho rằng con gái phải dịu dàng, nét na.

6. Nữ được tuyển làm tiếp viên hàng không nhiều hơn nam.		x	Đây là sự đối xử không công bằng đối với nam giới, dựa trên quan niệm cho rằng nam làm tiếp viên thiếu tính nhẹ nhàng, kiên nhẫn... đối với khách hàng.
7. Giáo viên tiểu học thường chọn học sinh nữ làm lớp trưởng nhiều hơn học sinh nam.		x	Đây là sự đối xử không công bằng đối với học sinh nam, dựa trên quan niệm cho rằng học sinh nam thường không gương mẫu hay nghịch ngợm, khó bảo hơn học sinh nữ,...
8. Nhà trường chỉ tổ chức nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản và phòng tránh có thai ngoài ý muốn cho nữ sinh.		x	Đây là sự đối xử không công bằng đối với học sinh nam, dựa trên quan niệm cho rằng học sinh nữ có nhiều vấn đề về sức khỏe sinh sản hơn học sinh nam.
9. Giáo viên thường phân công học sinh nam chặt cây, đào hố; học sinh nữ quét lớp và dọn nhà vệ sinh.		x	Đây là sự đối xử không công bằng đối với học sinh nam và học sinh nữ, dựa trên quan niệm cho rằng học sinh nam khỏe hơn nên làm việc nặng, học sinh nữ yếu hơn nên làm công việc nhẹ nhàng.
10. Nam làm lãnh đạo giỏi hơn nữ. Nữ quản lý tài chính gia đình giỏi hơn nam.	x		Đây là quan niệm không đúng về khả năng, năng lực ra quyết định của nam và nữ.

ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP PHẦN II

PHIẾU HỌC TẬP 2.1.

Giới và sự chuyển tiếp từ hướng nghiệp tới việc làm và nghề nghiệp

Câu chuyện tình huống 2.1:

Hà năm nay 19 tuổi, còn Dững 21 tuổi, họ yêu nhau đã gần hai năm nay. Hà vừa học xong trung học phổ thông. Cô nói sẽ đi làm và tìm một công việc nhẹ nhàng như nhân viên bán hàng, vì cô không có khả năng theo học đại học. Còn Dững đã làm thợ cơ khí hai năm nay và không quan tâm đến việc đào tạo thêm về công nghệ mới, dù anh hi vọng ngày nào đó sẽ khởi nghiệp kinh doanh riêng.

Cả hai bà mẹ của Hà và Dững đều ở nhà nội trợ và cha của họ đều là những người trụ cột, lao động kiếm tiền chính trong gia đình. Hà và Dững dự định sẽ kết hôn sau vài năm nữa. Ý định của Dững sau khi kết hôn là để Hà thôi làm việc và ở nhà dành thời gian nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình. Hà cũng nói rằng đồng ý ở nhà ngay khi cô ấy có thai. Họ cho rằng điều đó là hợp lý vì thu nhập từ việc làm của Dững đủ để nuôi sống cả gia đình họ; vì thế, Hà không việc gì phải vất vả kiếm việc làm sau khi đã trở thành mẹ. Hà và Dững chưa bao giờ nghe nói đến từ *giới*, bởi vậy họ chẳng có ý niệm gì về ý nghĩa của nó cả.

Bằng kiến thức hiểu biết về giới, anh/chị hãy phân tích kiểu phân công lao động truyền thống theo quan niệm của Hà và Dững như vậy có ý nghĩa gì đối với hiệu quả phát triển nghề nghiệp và sự phát triển của xã hội trong thời đại ngày nay?

Phân tích có nhạy cảm giới câu chuyện tình huống 2.1

Sự phân công lao động theo giới như trong câu chuyện tình huống nêu trên là một mô hình điển hình về theo giới truyền thống. Theo mô hình này nam giới phải làm trụ cột gia đình, với yêu cầu là người lao động chính, họ thường làm các công việc được trả lương/hoặc có thu nhập; làm việc toàn thời gian ở bên ngoài gia đình và liên tục cho đến hết tuổi lao động, họ không được mong đợi tham gia vào việc gia đình. Ngược lại, mô hình này gán trách nhiệm của phụ nữ với những công việc không được trả lương (như chăm sóc con cái, quản lý và nội trợ gia đình cùng nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng khác,..); khiến phụ nữ ít hoặc không có cơ hội tham gia và tự bộc lộ năng lực của mình trong thị trường lao động được trả lương. Mô hình phân công lao động theo giới truyền thống này không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội trong thời đại ngày nay và nó cũng ảnh hưởng rất tiêu cực đến

hiệu quả lao động và phát triển nghề nghiệp, bởi vì:

Mô hình phân công lao động theo giới truyền thống này tạo ra sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong thị trường lao động được trả lương và lao động không được trả lương. Trên thị trường lao động được trả lương, nam giới và nữ giới có xu hướng làm việc trong những lĩnh vực kinh tế khác nhau (Ví dụ: nam giới thường làm trong các ngành kỹ thuật, trong khi nữ giới thường nổi trội trong lĩnh vực giáo dục, may mặc, ...); sự phân biệt này sẽ dẫn tới việc nam và nữ cùng làm việc trong một lĩnh vực nghề nghiệp giống nhau, nhưng nam giới thường có tay nghề, trách nhiệm hoặc được trả lương cao hơn và nắm giữ những vị trí lãnh đạo cao hơn nữ giới (Ví dụ: phần lớn hiệu trưởng các trường trung học phổ thông là nam giới, trong khi đa phần các giáo viên là nữ giới). Mặt khác, việc thực hiện các vai trò giới cứng nhắc này không chỉ hạn chế phụ nữ trong việc đạt được năng lực, hiệu quả và sự thành công ở nơi làm việc; mà nó còn hạn chế nam giới trong việc tham gia sâu và tích cực hơn vào đời sống gia đình để kết nối trách nhiệm cũng như tình cảm của họ trong các mối quan hệ gia đình.

Hiện trạng sự phân biệt giới trong nghề nghiệp này sẽ có ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác hướng nghiệp. Bởi nó tác động sâu sắc đến xu hướng chọn nghề của nam, nữ học sinh theo định kiến giới hoặc khuôn mẫu giới chứ không theo “rẽ” cây nghề nghiệp. Sự hướng nghiệp thiếu nhạy cảm giới và sự phân biệt giới trong nghề nghiệp thường gây tổn hại cho nữ nhiều hơn nam; bởi nó bao hàm trong đó những khác biệt về sức mạnh, kiến thức, kỹ năng và thu nhập. Đây là những yếu tố mang tính chỉ báo về thuận lợi hay bất lợi về mặt xã hội và nghề nghiệp của nam, nữ học sinh khi các em tham gia vào thị trường lao động trong tương lai.

Trong thời đại ngày nay, toàn cầu hóa đã tạo ra những cơ hội kinh tế chưa từng có, nhưng nó cũng khiến cho vấn đề bất công xã hội và bất an cá nhân càng thêm sâu sắc. Cả nữ giới và nam giới đều chịu ảnh hưởng, tuy nhiên phụ nữ thường yếu thế và phải chịu áp lực về sự phân biệt nghề nghiệp lớn hơn. Bởi hiện nay, phụ nữ cũng đã tham gia vào thị trường lao động xã hội như nam giới, nhưng họ vẫn gánh trách nhiệm chính về vai trò gia đình; điều đó đã khiến đa phần phụ nữ chỉ có thể tham gia vào các lĩnh vực kinh tế không chính thức (lĩnh vực kinh tế chính thức chủ yếu là nam giới). Ở vị trí này họ thường phải đối mặt với những thách thức, khó khăn nghiêm trọng trong công việc, bao gồm cả chất lượng công việc thấp với năng suất và thu nhập thấp, các tiêu chí về sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn đều tồi tệ; họ cũng bị hạn chế về cơ hội và khả năng tiếp cận tri thức, công nghệ, tài chính và thị trường, ... Như vậy, sự phân công lao động theo giới truyền thống đã đặt áp lực gánh nặng công việc lên vai người phụ nữ; khiến họ dù đã phải cố gắng cống hiến để vươn lên cũng khó đạt được tiêu chí “giỏi việc nước, đảm việc nhà”; trong khi cùng môi trường làm việc, những đồng nghiệp nam chỉ cần “giỏi việc nước” nên họ sẽ có cơ hội đào tạo chuyên môn nghề nghiệp tốt hơn; họ có kỹ năng, kinh nghiệm và

cơ hội được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp cao nhiều hơn. Do vậy, khoảng cách thu nhập giữa phụ nữ và nam giới ngày càng lớn; điều đó đồng nghĩa với việc đóng góp cho sự phát triển kinh tế của phụ nữ sẽ ít đi. Khoảng cách giới trong thu nhập sẽ dần dần biến thành cái “bẫy” nghèo đói, phụ nữ và trẻ em sẽ phải đối mặt với nguy cơ sụt giảm chất lượng sống nghiêm trọng, còn nam giới cũng đối mặt với tình trạng mất an ninh việc làm và thất nghiệp gia tăng. Mặt khác, hệ lụy của việc phụ nữ càng phụ thuộc kinh tế nhiều vào chồng thì càng phải chịu tình trạng yếu thế, bạo lực gia đình và nghèo đói gia tăng. Hậu quả của sự phân biệt giới trong nghề nghiệp khiến cho cả cá nhân, gia đình và xã hội đều phát triển kém bền vững.

Như vậy, sự phân công lao động theo giới có mối liên hệ chặt chẽ tới sự khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp của cả giới nam và giới nữ. Từ đó, tác động sâu sắc tới sự phát triển nghề nghiệp của cá nhân và sự phát triển bền vững của xã hội. Vì thế, điều quan trọng nhất hiện nay là phải thay đổi quan niệm về phân công lao động theo hướng điều hòa giữa công việc gia đình và công việc xã hội; cả nam giới và nữ giới đều phải có trách nhiệm chia sẻ lao động kiếm sống, chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc nuôi dạy con cái. Đồng thời, phải đặc biệt khích lệ nữ học sinh, sinh viên lựa chọn và phát triển nghề nghiệp trong những lĩnh vực phi truyền thống như khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin, ... để các em không chỉ có cơ hội đạt được sự năng động trong nghề nghiệp, mà còn có thể lấp dần khoảng cách về thu nhập và phát triển cá nhân.

Vì thế, công tác hướng nghiệp cần phải có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới để thay đổi phân công lao động theo hướng phát huy tối đa năng lực của cá nhân; đồng thời tăng cường được sự chia sẻ, hợp tác và cộng đồng trách nhiệm giữa nam và nữ trong công việc gia đình và lao động xã hội; chỉ khi đó mới thúc đẩy được tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội bền vững.

PHIẾU HỌC TẬP 2.2

Sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, câu chuyện... trung tính về giới trong hướng nghiệp

Câu chuyện tình hướng 2.2:

Mấy năm nữa là Phương sẽ 23 tuổi, Phương vừa thi đỗ vào ngành khoa học công nghệ tại đại học Bách khoa. Vào đại học luôn là mục tiêu và ước mơ mà Phương theo đuổi trong suốt những năm tháng học phổ thông, vì thế em đã rất chăm chỉ học hành để có thể đạt được ước mơ đó. Kết hôn cũng là một mục tiêu đầy triển vọng tiếp theo của Phương vì Phương đã có một mối tình kéo dài được hai năm nay. Phương cũng có ý định tìm việc làm thêm trong thời sinh viên để chi trả các chi phí ăn, ở, học tập và tiền mua chiếc xe máy mà bố mẹ đã vay tiền ngân hàng để mua cho Phương đi lại.

Phương cũng đặt mục tiêu sau khi ra trường sẽ kết hôn và có con; vì thế, Phương rất muốn sở hữu một căn nhà cùng người bạn đời tương lai của mình. Rèn luyện thể chất cũng là một trong số những hứng thú khác của Phương, Phương luôn lên kế hoạch để gặp gỡ bạn bè và cùng tập luyện thể chất thường ngày. Ngoài ra, Phương cũng có ý định dành ít nhất một buổi tối trong tuần để giao lưu với các nhóm bạn khác, vì điều đó đem lại nhiều lợi ích cho mối quan hệ xã hội của Phương.

Phương cũng cho rằng chất lượng nuôi dạy con cái là rất quan trọng và tin vào sự tham gia nuôi dạy con một cách bình đẳng, bởi khi đó cả cha và mẹ đều có ảnh hưởng tích cực tới quá trình xã hội hóa con cái.

Mặt khác, Phương cũng cho rằng độc lập về tài chính là một yêu cầu bắt buộc để có một mối quan hệ bình đẳng thật sự của một cặp vợ chồng. Sự tôn trọng lẫn nhau có giá trị đối với hạnh phúc gia đình hơn nhiều là tính nghĩa vụ và dựa trên sự phụ thuộc của vợ hoặc chồng. Phương cũng cho rằng việc nhà hoàn toàn rất dễ dàng học hỏi và chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình, chứ không phải liệt kê một danh sách những việc phải làm và chỉ gán cho một giới tính nào đó.

Phương là ai? Đây là một cô gái hay chàng trai? Đó có phải là vấn đề không? Có gì khác biệt trong câu chuyện trên không nếu chúng ta biết về giới tính của một người? Quan điểm trung tính về giới trong hướng nghiệp như thế này liệu có đe dọa gì tới sự phát triển bền vững của xã hội không?

Phân tích có nhạy cảm giới câu chuyện tình huống 2.2

Phương là một học sinh vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, dù là nam hay nữ thì em đều có quyền ước mơ và đặt mục tiêu cho nghề nghiệp của mình; em hoàn toàn có thể lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu và thi vào bất kỳ một trường đại học nào, chọn học bất kỳ một trường nghề nào mà em thích và có khả năng học tập dù đó là lĩnh vực kỹ thuật hay hay lĩnh vực giáo dục, âm nhạc, nghệ thuật.

Dù Phương là nam hay nữ thì khi lập gia đình Phương đều phải có trách nhiệm chia sẻ với người bạn đời của mình các công việc gia đình, nuôi dạy và giáo dục con cái; cùng lao động kiếm sống để tạo dựng kinh tế no đủ cho gia đình. Nền tảng của hạnh phúc gia đình chính là sự tôn trọng lẫn nhau, mỗi người phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm và bổn phận của mình trên tinh thần thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau; không ai có quyền được áp đặt ý muốn chủ quan của mình lên người khác hoặc đặt người khác vào vị trí yếu thế phải phụ thuộc vào mình.

Dù Phương là nam hay nữ, thì rèn luyện thể chất và giao lưu bạn bè vừa là quyền, vừa là phương cách để Phương có lối sống lành mạnh, khỏe khoắn không chỉ giúp Phương có năng lượng dồi dào để làm việc hiệu quả, mà còn giúp Phương mở rộng được mối quan hệ xã hội; điều này rất cần thiết cho quá trình xã hội hóa cá nhân.

Như vậy, quan điểm trung tính về giới trong hướng nghiệp vừa tạo môi trường công bằng cho sự phát triển nghề nghiệp của học sinh theo “rẽ” cây nghề nghiệp, vừa là nền tảng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Do vậy, trong công tác hướng nghiệp cần tránh mọi hình thức gán giới tính (là nam hay nữ) cho một loại hình công việc hay tính chất nghề nghiệp nào đó; bởi khi đó chúng ta sẽ có xu hướng quay trở lại với phân công lao động truyền thống - những yếu tố giới này không chỉ ảnh hưởng tới sự hướng nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp của nam, nữ học sinh; mà còn làm hạn chế sự lựa chọn các cơ hội khác liên quan đến sự phát triển tiến bộ của học sinh, nhất là các em gái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH&ĐT. Báo cáo mục tiêu phát triển thiên niên kỷ năm 2010. Hà Nội, 2011.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Hướng dẫn rà soát và phân tích giới Sách giáo khoa dưới góc độ giới. Hà Nội, 2010.
3. Bộ GD&ĐT - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Báo cáo về các kết quả nghiên cứu Rà soát và phân tích SGK dưới góc độ giới. Hà Nội, 2010.
4. Bộ GD&ĐT - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Các mô đun tập huấn giáo viên nhấn mạnh các vấn đề giới và nâng cao bình đẳng giới. Hòa Bình, 2011.
5. Bộ LĐTB&XH – Tổng cục dạy nghề. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới và kỹ năng sống vào chương trình dạy nghề. Hà Nội, 2007.
6. Bộ LĐTB&XH – UN Women. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Hà Nội 2014
7. Chính phủ Việt Nam. Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2012. Hà Nội, 2013.
8. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới 2011-2015. Hà Nội, 2011.
9. Hoàng Bá Thịnh. Giáo trình xã hội học về giới. NXB Đại học QG Hà Nội, 2008.
10. Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Khoa học giới - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CT-HC. Hà Nội, 2008.
11. VVOB Việt Nam, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài. Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9. NXB đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
12. Lê Thị Quý. Giáo trình Xã hội học giới. NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội, 2010.
13. Ngân hàng thế giới. Báo cáo đánh giá phát triển thế giới năm 2012.
14. Nguyễn Hữu Minh - Trần Thị Vân Anh. Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới. NXB Khoa học kĩ thuật. Hà Nội, 2009.
15. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Hiến pháp, 1946, 2013; Bộ Luật Lao động, 2012; Luật Bình đẳng giới, 2006; Luật Giáo dục, 2005.
16. Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp. Hướng dẫn lồng ghép giới (dành cho các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp tại Việt Nam. Hà Nội, 2015)
17. Tổ chức Plan. Hướng dẫn lồng ghép giới. Tài liệu dành cho cán bộ cơ sở. Hà Nội, 2010.
18. Trần Thị Minh Đức - Chủ biên. Định kiến và Phân biệt đối xử giới. Lý thuyết và thực tiễn. NXB Đại học quốc gia. Hà Nội, 2006.
19. Tổng cục thống kê. Số liệu thống kê giới ở Việt Nam 2000-2010. Hà Nội, 2012.
20. UN Women – Quỹ mục tiêu phát triển thiên niên kỷ - Bộ LĐTB&XH. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới. NXB Lao động xã hội. Hà Nội, 2011.
21. UBQGVSTBCPN. Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách. NXB Giao thông vận tải. Hà Nội, 2004 và 2008.
22. Vũ Ngọc Thủy. Tăng cường thực hiện Bình đẳng giới nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Hà Nội, 2014.
23. Employment and training Corporation, 2004. Manual for Gender Sensitive Vocational Guidance. Dẫn theo đường link: <http://eige.europa.eu/content/manual-for-gender-sensitive-vocational-guidance>.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: Biên tập - Chế bản: 04. 3971 4896

Quản lý xuất bản: 04. 3972 8806; Tổng biên tập: 04. 39715011

Fax: 04. 3972 9436

HƯỚNG DẪN LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. Phạm Thị Trâm

Biên tập nội dung:

Bùi Thư Trang

Trình bày bìa và kỹ thuật vi tính

VNTP., JSC

TÀI LIỆU KHÔNG BÁN

Bản quyền: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác. Tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu sao chép hoặc trích dẫn.

Mã số: 2L - 1302 ĐH 2015

In 2.000 cuốn, Khổ 17 x 23.8 cm tại Công ty CP Quảng cáo và Du lịch Việt Nam

Số xuất bản: 3885 - 2015/CXB, IPH/11-414- ĐHQGHN, ngày 12/12/2015

QĐXB số: 1241 LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN

In xong và nộp lưu chiểu năm 2015

ISBN: 978 - 604 - 62 - 4248 - 2



Tài liệu được hoàn thành với sự hỗ trợ của VVOB Việt Nam